

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHẠM HUYỀN TRANG

**TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ
THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NINH**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. Phạm Văn Tĩnh

Hà Nội, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Học Viện Khoa học xã hội.

Vậy tôi xin viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật – Học Viện Khoa học xã hội xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

PHẠM HUYỀN TRANG

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM.....	7
1.1. Những vấn đề lý luận về tội giết người	7
1.2. Quy định của pháp luật hình sự về tội giết người.....	13
CHƯƠNG 2: ĐỊNH TỘI DANH VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH.....	24
2.1. Định tội danh đối với tội giết người.....	24
2.2. Quyết định hình phạt đối với tội giết người.....	38
CHƯƠNG 3: CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI.....	50
3.1. Yêu cầu định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người.....	50
3.2. Các giải pháp bảo đảm định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người	51
KẾT LUẬN	65
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	67

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ADPL:	Áp dụng pháp luật
BLHS:	Bộ luật hình sự
BLTTHS:	Bộ luật tố tụng hình sự
CTTP:	Cấu thành tội phạm
QPPL:	Quy phạm pháp luật
QPPLHS :	Quy phạm pháp luật hình sự
TAND:	Tòa án nhân dân
VKS:	Viện kiểm sát

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Tình hình xét xử tội giết người giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.....	29
Bảng 2.2: Tỷ lệ xét xử sơ thẩm các vụ án và bị cáo bị về tội giết người so với các tội phạm về xâm phạm tính mạng sức khỏe giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	30
Bảng 2.3: Tổng số vụ, số bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử về tội giết người giai đoạn 2011-2015	30
Bảng 2.4 Tổng số vụ án, bị cáo tội giết người Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử có kháng cáo, kháng nghị giai đoạn 2011 - 2015.....	31
Bảng 2.5: Những hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo phạm tội giết người giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.....	44

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc đã đọc bản “Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình lịch sử với lời mở đầu thể hiện cho một tư tưởng lớn về độc lập tự do dân tộc và quyền con người, cụ thể: *"Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền được tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"*.

Thật vậy, Quyền sống (hay quyền được sống) là quyền cơ bản và quan trọng nhất của con người, đây cũng là nội dung quan trọng được ghi nhận tại Điều 19 Hiến pháp 2013 *"Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật"*. Vậy mà những năm gần đây, số vụ án giết người được các phương tiện truyền thông đưa tin lại ngày một nhiều với những thủ đoạn tinh vi hơn, xảo quyệt hơn gây ra những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khiến tâm lý người dân hoang mang, lo lắng như vụ án giết người từng gây chấn động khắp mọi miền đất nước tại Bắc Giang của hung thủ Lê Văn Luyện, hay vụ án thảm sát 6 người trong một gia đình ở Bình Dương chỉ vì chuyện tình cảm bị ngăn cấm của hung thủ Nguyễn Hải Dương, và gần đây nhất chính là thảm án tại Uông Bí, Quảng Ninh của hung thủ Doãn Trung Dũng.

Có thể nói rằng Tỉnh Quảng Ninh được coi là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng cả về kinh tế chính trị và an ninh quốc phòng của cả nước với các điều kiện về tự nhiên cũng như điều kiện xã hội hết sức thuận lợi, bởi vậy mà số người nhập cư từ nơi khác về đây ngày một nhiều khiến cho số dân của nơi này tăng lên nhanh chóng. Vì thế mà bên cạnh những thành tựu đạt được thì sự phát

triển cũng có ảnh hưởng tiêu cực làm nảy sinh nhiều vấn đề trong đó có tội phạm nói chung cũng như tội phạm giết người nói riêng.

Trước tình hình đó, các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương đã kiên quyết đấu tranh với tội phạm giết người nhưng đến nay loại tội phạm này vẫn diễn biến rất phức tạp. Vì thế, việc áp dụng pháp luật sao cho đúng và phù hợp với thực tế của tội phạm này là yêu cầu cấp thiết, được đặt lên hàng đầu. Bởi vậy, tác giả đã chọn đề tài “*Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh*” để nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Tình hình nghiên cứu lý luận

- Để có cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài luận văn, các công trình khoa học sau đây đã được nghiên cứu và tham khảo:

- “*Giáo trình luật hình sự Việt Nam- Phần chung*” (2014), Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;

- “*Lý luận chung về định tội danh*” (2013), Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;

- “*Giáo trình luật hình sự Việt Nam- Phần các tội phạm*” (2008), Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

- “*Hoàn thiện một số quy định về hình phạt và quyết định hình phạt của BLHS năm 1999 nhằm đảm bảo hơn nữa nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự*” (2008), PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn, Luật học;

- “*Giáo trình luật hình sự Việt Nam- Phần các tội phạm*”, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội (1997);

- “*Một số quan điểm khác nhau về định nghĩa về đối tượng tác động của tội giết người*”, Đỗ Đức Hồng Hà, Tạp chí Tòa án, số 13/2004;

- “*Một số vấn đề lý luận về định tội danh và hướng dẫn phương pháp định tội danh*”,Trịnh Quốc Toàn, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội;

- *“Định tội danh- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”*, Lê Cẩm, Tạp chí tòa án nhân dân các số 3,4,5,8,11 năm 1999;
- *“Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người”* (2000), Trần Văn Luyện, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
- *“Tội phạm và cấu thành tội phạm”*, Nguyễn Ngọc Hòa, Nxb Tư pháp, Hà Nội, năm 2015

2.2. Tình hình nghiên cứu thực tiễn

Để phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện luận văn, những công trình khoa học sau đây đã nghiên cứu về Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam được tác giả tham khảo như:

- Luận văn Thạc sỹ Luật học: *“ Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Tỉnh Nam Định”* của tác giả Nguyễn Chí Công, Học viện Khoa học xã hội – Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
- Luận văn Thạc sỹ Luật học : *“Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam”* của tác giả Thái Huy Đức, Học viện Khoa học xã hội – Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
- Luận văn Thạc sỹ Luật học : *“ Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Sóc Trăng”* của tác giả Trần Thị Liên, Học viện Khoa học xã hội – Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
- Luận văn Thạc sỹ Luật học : *“ Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam”* của tác giả Phan Thái Bình, Học viện Khoa học xã hội – Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
- Luận văn Thạc sỹ Luật học : *“ Tội giết người qua thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân Tỉnh Thái Nguyên”* của tác giả Nguyễn Thúy Quỳnh, Học viện Khoa học xã hội – Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
- Luận văn Thạc sỹ Luật học: *“ Tội giết người trong luật hình sự Việt Nam”* của tác giả Phạm Văn Vĩ, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội.

- Luận văn Thạc sỹ Luật học : “*Đấu tranh, phòng chống tội giết người trên địa bàn Tỉnh Dak Lak*” của tác giả Nguyễn Lộc, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội

- Ngoài ra còn có không ít các công trình nghiên cứu về tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam tuy nhiên xét dưới góc độ phạm vi không gian thì tỉnh Quảng Ninh cho đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận, các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người đồng thời kết hợp với thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội này trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nhằm chỉ ra các điểm hợp lý và bất hợp lý trong việc thực hiện những quy định pháp luật hiện hành từ đó đưa ra các giải pháp để hoàn thiện pháp luật hình sự cũng như tăng cường hướng dẫn áp dụng đúng pháp luật.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ những vấn đề lý luận và pháp luật về tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam.

- Tập trung nghiên cứu về việc áp dụng các quy định pháp luật hình sự về tội giết người của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2015 trên cơ sở định tội danh và quyết định hình phạt.

- Đưa ra kiến nghị giải pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự với tội giết người trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Trên cơ sở pháp luật hiện hành và thực tế áp dụng pháp luật hiện hành đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn từ 2011-2015, luận văn nghiên cứu về sự phù hợp hoặc chưa phù hợp giữa quy định của pháp luật hình sự và thực tế áp dụng những quy định này đối với hành vi của người phạm tội.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung, đề tài được thực hiện trong phạm vi chuyên ngành Luật hình sự và tổ tụng hình sự.
- Về tội danh, đề tài nghiên cứu tội giết người theo quy định tại Điều 93 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.
- Về thời gian, đề tài nghiên cứu số liệu và các bản án thực tế trong giai đoạn từ năm 2011-2015, gồm số liệu thống kê của tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.
- Về không gian, đề tài được thực hiện trong phạm vi tỉnh Quảng Ninh.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

- Phương pháp luận: Chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- Nghiên cứu trên cơ sở nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
- Luận văn được xây dựng trên cơ sở vận dụng những kiến thức đã được tiếp thu và sưu tầm, tổng hợp tài liệu có liên quan đến tội giết người, kết hợp với xem xét vụ án trên thực tế tại địa phương để chứng minh và làm rõ vấn đề nghiên cứu.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thống kê, phân tích và tổng hợp số liệu dựa trên những bản án, quyết định, số liệu thống kê, báo cáo tổng kết của tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Phương pháp so sánh pháp luật để đối chiếu với các quy định của pháp luật với nhau nhằm tìm ra những điểm mới trong quá trình nghiên cứu.
- Phương pháp tổng hợp được sử dụng để đánh giá thực tiễn nhằm rút ra những kết luận tổng quát từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị và giải pháp.
- Phương pháp phỏng vấn, phương pháp tham khảo chuyên gia....
-

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Sau khi luận văn hoàn thành sẽ góp phần hoàn thiện lý luận về tội giết người trong khoa học luật hình sự Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo cho những ai có nhu cầu tìm hiểu thêm về tội giết người nói chung và cho các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, đặc biệt là tòa án trong việc định tội danh và quyết định hình phạt đúng khi xét xử nói riêng. Bên cạnh đó, những biện pháp bảo đảm nhằm nâng cao chất lượng xét xử của luận văn sẽ là những luận cứ khoa học phục vụ cho công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng Bộ luật hình sự Việt Nam liên quan đến tội giết người, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm này.

7. Cơ cấu của luận văn

Luận văn được trình bày gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự hiện hành về tội giết người trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Chương 3: Các yêu cầu và giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1 . Những vấn đề lý luận về tội giết người

1.1.1 Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội giết người

- Khái niệm tội giết người

Tội giết người là một trong những tội phạm đặc biệt nguy hiểm, nó không những tước đi sinh mạng của con người mà còn ảnh hưởng nặng nề đối với dư luận xã hội. Dựa trên cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý quy định tại khoản 1 Điều 8 BLHS năm 1999; khoản 1 Điều 8 BLHS năm 2015 thì : *”Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.”*[26, tr.48] và qua thực tiễn xét xử các vụ án về tội giết người có thể đưa ra định nghĩa về tội giết người như sau: *“Tội giết người là hành vi cố ý tước đoạt (bỏ) tính mạng của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi giết người là hành vi có khả năng gây ra cái chết hoặc chấm dứt sự sống. Hành vi này được thể hiện bằng hành động hoặc dưới dạng không hành động. Những hành vi không có khả năng tước đoạt tính mạng của người khác, thì không thể là hành vi của tội giết người”*.

- Các yếu tố cấu thành tội giết người

Các dấu hiệu pháp lý của cấu thành tội giết người được phân thành 04 yếu tố: Khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm.

a) Khách thể của tội giết người

Khách thể của tội phạm là yếu tố không tách rời của tội phạm, tội phạm bao giờ cũng xâm hại đến một hoặc một số quan hệ xã hội được Nhà nước xác định bảo vệ bằng luật hình sự [2, tr.137].

Khách thể của tội phạm này là quyền được sống của con người – quyền bất khả xâm phạm về tính mạng được quy định trong Hiến pháp và pháp luật bảo vệ.

Đối tượng tác động của tội phạm là bộ phận khách thể của tội phạm mà khi tác động tới bộ phận này người phạm tội gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ [2, tr.141].

b) Mặt khách quan của tội giết người

Những biểu hiện của tội phạm ra bên ngoài bao gồm: hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, các dấu hiệu biểu hiện sự thực hiện hành vi phạm tội và gắn liền với hành vi như: công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn phạm tội, thời gian, địa điểm và hoàn cảnh phạm tội [2, tr.145].

Mặt khách quan của tội giết người thể hiện ở hành vi tước đoạt tính mạng của người khác, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi tước đoạt tính mạng người khác và hậu quả xảy ra. Hành vi này có thể là hành động hoặc không hành động.

Cụ thể mặt khách quan của tội phạm này như sau:

- *Có hành vi làm chết người khác*: Được thể hiện qua hành vi dùng mọi thủ đoạn nhằm làm cho người khác chấm dứt cuộc sống. Tuy nhiên cần phân biệt: Nếu làm chết chính bản thân mình thì bị coi là tự tử hoặc tự sát chứ không cấu thành tội này. Nếu vì vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng mà làm chết người khác thì cấu thành tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng
- *Hành vi làm chết người được thực hiện thông qua các hình thức sau*:

+ **Hành động:** Thể hiện qua việc người phạm tội đã chủ động thực hiện các hành vi mà pháp luật không cho phép như: dùng dao đâm, dùng súng bắn, dùng cây đánh ... nhằm giết người khác.

+ **Không hành động:** Thể hiện qua việc người phạm tội đã không thực hiện nghĩa vụ phải làm (phải hành động) để đảm bảo sự an toàn tính mạng của người khác ... nhằm giết người đó. Thông thường tội phạm được thực hiện trong trường hợp (bằng cách) lợi dụng nghề nghiệp

- *Có hoặc không sử dụng vũ khí, hung khí khác, cụ thể là:*

+ **Không sử dụng vũ khí hoặc hung khí:** Trường hợp này người phạm tội chủ yếu sử dụng sức mạnh cơ thể của mình tác động lên cơ thể của nạn nhân hoặc đẩy nạn nhân vào điều kiện không thể sống được như đuối nước, đá, bóp cổ... hoặc dùng thủ đoạn khác như đẩy xuống sông ...

+ **Có sử dụng vũ khí, hung khí hoặc các tác nhân gây chết người khác.** Trường hợp này người phạm tội có sử dụng các công cụ phạm tội như: Súng, lựu đạn, bom, mìn, dao, búa, gậy gộc, ... hoặc các tác nhân gây chết khác như thuốc độc, điện ...

- *Hành vi giết người được thể hiện dưới hình thức dùng vũ lực hoặc không dùng vũ lực, cụ thể là:*

+ **Dùng vũ lực:** Được hiểu là trường hợp người phạm tội đã sử dụng sức mạnh vật chất (có hoặc không có công cụ, phương tiện phạm tội) tác động lên thân thể nạn nhân. Việc dùng vũ lực có thể được thể hiện bằng các hình thức sau: Thực hiện trực tiếp như dùng tay, chân để đánh, đá, bóp cổ, ...Thực hiện gián tiếp thông qua phương tiện vật chất (có công cụ, phương tiện phạm tội) như: dùng dao đâm, chém, dùng súng bắn, ...

+ **Không dùng vũ lực:** Nghĩa là dùng các thủ đoạn khác mà không sử dụng sức mạnh vật chất để tác động lên cơ thể nạn nhân như: Dùng thuốc độc để đầu độc nạn nhân, gài bẫy điện để nạn nhân vướng vào...

- *Về hậu quả:*

Các hành vi nêu trên thông thường gây hậu quả trực tiếp là làm người khác chết (tức là chấm dứt sự sống của người khác). Tuy nhiên chỉ cần hành vi mà người phạm tội đã thực hiện có mục đích làm chấm dứt sự sống của người khác (hay làm cho người khác chết) thì được coi là cấu thành tội giết người cho dù hậu quả chết người có xảy ra hay không.

Tuy nhiên một số trường hợp việc dùng vũ lực không gây ra hậu quả trực tiếp làm nạn nhân chết mà chỉ có tác dụng đẩy nạn nhân vào tình trạng nguy hiểm đến tính mạng và tử vong (như xô nạn nhân xuống sông và bỏ mặc cho đến chết hoặc đập nạn nhân ra ngoài đường đang có nhiều xe ô tô chạy dẫn đến bị xe cán chết ...) theo chúng tôi vẫn phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người nếu chứng minh được người thực hiện hành vi đó có mục đích giết người. Đây có thể xem là hậu quả gián tiếp.

c) *Chủ thể của tội giết người*

Chủ thể của tội giết người là chủ thể thường, nghĩa là những người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định đều có khả năng trở thành chủ thể của tội giết người. Theo quy định của Bộ luật hình sự, thì người từ đủ 14 tuổi trở lên có năng lực trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, từ 16 tuổi trở lên thì chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

d) *Mặt chủ quan của tội giết người*

Mặt chủ quan của tội phạm là diễn biến tâm lý bên trong của người phạm tội. Mặt chủ quan của tội giết người bao gồm lỗi, động cơ, mục đích phạm tội, trong đó lỗi là dấu hiệu bắt buộc. Tội giết người được thực hiện bởi lỗi cố ý trực tiếp với ý thức tước đoạt tính mạng của người khác trái luật nhưng cũng có những trường hợp do lỗi cố ý gián tiếp, bỏ mặc hậu quả xảy ra.

Ở tội giết người, dấu hiệu hành vi tước đoạt tính mạng người khác và dấu hiệu lỗi cố ý là những dấu hiệu đặc trưng cho phép phân biệt tội giết người với những tội phạm khác [13, tr.153].

1.1.2. Phân biệt Tội giết người với một số tội phạm khác

Tội giết người nói chung và các tội về xâm phạm tính mạng nói riêng trong phần các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trong chương XII đều là hành vi xâm phạm đến các quyền cơ bản của con người được pháp luật bảo vệ, chính vì thế các tội này có những điểm cơ bản giống nhau. Và bên cạnh đó cũng có những điểm khác nhau, đó là điểm đặc trưng của từng loại tội phạm.

- *Phân biệt tội giết người (hoàn thành) với tội cố ý gây thương tích trong trường hợp dẫn đến chết người :*

+ Khách thể của tội phạm.

Nếu khách thể của tội giết người là quyền được tôn trọng và bảo vệ về tính mạng của con người thì khách thể của tội cố ý gây thương tích lại là quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe của con người;

+ Lỗi của người phạm tội:

Nếu lỗi của người phạm tội giết người là lỗi cố ý gây ra cái chết cho nạn nhân (mong muốn hoặc chấp nhận hậu quả nạn nhân chết) thì lỗi của người phạm tội cố ý gây thương tích trong trường hợp dẫn đến chết người lại là hỗn hợp; cố ý với hành vi gây thương tích (mong muốn hoặc chấp thuận hậu quả nạn nhân bị thương hoặc bị tổn hại sức khỏe) nhưng vô ý với hậu quả chết người (không thấy trước hoặc có ý thức loại trừ hậu quả chết người).

Thực tiễn xét xử cho thấy, để định dạng đúng tội danh chúng ta cần phân biệt hai tội này qua tiêu chí cơ bản sau đây:

Nếu lỗi của người phạm tội với cái chết của nạn nhân là lỗi cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp) thì định tội giết người. Đây là trường hợp phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình có thể làm nạn nhân chết mà vẫn thực hiện vì mong

muốn hoặc có ý thức chấp nhận hậu quả chết người. Ngược lại, nếu lỗi của người phạm tội đối với hành vi gây thương tích là cố ý nhưng đối với cái chết của nạn nhân lại là lỗi vô ý (vì quá tự tin hoặc vì cẩu thả) thì định tội cố ý gây thương tích với tình tiết định khung tăng nặng “*dẫn đến chết người*” quy định tại đoạn 2 khoản 3 điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đây là trường hợp người phạm tội không những không mong muốn cho hậu quả chết người xảy ra, cũng không có thái độ “*thờ ơ mặc kệ cho hậu quả đó xảy ra mà còn không thấy trước được hậu quả đó mà đáng lẽ ra phải thấy hoặc có thể thấy, hoặc tuy có thấy trước hậu quả có thể xảy ra, nhưng chủ quan tin vào một điều kiện cụ thể nào đó sẽ làm cho hậu quả không xảy ra*”.

- *Phân biệt tội giết người (chưa đạt) với tội cố ý gây thương tích*

+ Khách thể của tội phạm:

Nếu khách thể của tội giết người là quyền được tôn trọng và bảo vệ về tính mạng của con người thì khách thể của tội cố ý gây thương tích lại quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe của con người;

+ Lỗi của con người phạm tội:

Nếu lỗi của người phạm tội giết người (chưa đạt) chỉ có lỗi cố ý trực tiếp gây ra cái chết cho nạn nhân (mong muốn nạn nhân chết) thì lỗi của người phạm tội cố ý gây thương tích lại có thể là lỗi cố ý gây thương tích (mong muốn hoặc chấp nhận gây thương tích cho nạn nhân). Hoặc lỗi cố ý gián tiếp gây ra cái chết cho nạn nhân (chấp nhận hậu quả nạn nhân chết nhưng hậu quả này đã không xảy ra). Sở dĩ trường hợp cố ý gián tiếp gây ra cái chết cho nạn nhân, nếu nạn nhân không chết thì không định tội giết người (chưa đạt) mà chỉ có thể định tội cố ý gây thương tích vì trong trường hợp này, người phạm tội không mong muốn hậu quả chết người xảy ra. Do đó, nếu nạn nhân không chết thì không thể buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm về hậu quả chết người- điều mà họ không mong muốn và nó cũng không xảy ra trên thực tế.

Thực tiễn xét xử cho thấy, để định đúng tội danh chúng ta cần phân biệt hai tội này qua tiêu chí cơ bản sau đây:

Nếu lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp gây ra cái chết cho nạn nhân thì định tội giết người (chưa đạt). Đây là trường hợp người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình có thể làm nạn nhân chết mà vẫn thực hiện vì mong muốn nạn nhân chết. Sở dĩ nạn nhân không chết là do nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội.

Nếu lỗi của người phạm tội không phải là lỗi cố ý trực tiếp gây ra cái chết cho nạn nhân mà là lỗi cố ý gây thương tích cho nạn nhân thì định tội cố ý gây thương tích.

1.2. Quy định của pháp luật hình sự về tội giết người

1.2.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển các quy định của pháp luật hình sự Việt nam đối với tội giết người.

Bắt nguồn từ hình thành và phát triển các quy phạm pháp luật hình sự về tội giết người với nhiều tình tiết khác nhau, gắn liền với sự hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật ở nước ta từ thời phong kiến cho đến sự ra đời của Bộ luật hình sự năm 1999 đã trải qua các giai đoạn sau:

- **Giai đoạn phong kiến**

Trải qua các thời kỳ phát triển của lịch sử, tội giết người trong thời đại phong kiến được quy định thành những tội cụ thể trong tất cả các Bộ luật Lý, Trần, Lê, Nguyễn mà rõ nét nhất là Bộ luật Hồng Đức nhà Lê hay còn gọi là “Quốc triều hình luật”. Các tội được quy định khá rõ trong chương “Đấu tụng” (đánh nhau kiện cáo). Chương này gồm 30 điều, từ 456 đến điều 499. Nhìn chung, trong “Quốc triều hình luật” quy định chung, không mang tính chất hành vi cụ thể như các Bộ Luật sau này, về dấu hiệu cấu thành tội phạm còn nhiều lẫn lộn, không phân biệt rõ ràng (như giữa tội giết người và tội cố ý gây thương tích). Mặc dù vậy, Bộ luật này đánh dấu sự tiến bộ trong việc xây dựng hệ thống

pháp luật trong thời kỳ phong kiến ở Việt Nam lúc bấy giờ nhằm nghiêm trị kẻ phạm tội.

- Giai đoạn 1945 – 1985

Đây là giai đoạn đất nước ta trong thời kì chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và cả nước tiến lên xây dựng XHCN.

Đầu tiên là sắc lệnh số 47/ST ngày 10/10/1945 do Bác Hồ ký, cho phép áp dụng số văn bản pháp luật của phong kiến, của đế quốc mà không trái với nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam dân chủ Cộng Hoà. Sắc lệnh số 27/ST ngày 28/02/1946 về việc truy tố tội bắt cóc tổng tiền và ám sát. Thông tư số 442/TTg ngày 19/01/1955 về việc xử lý một số tội phạm như đánh bị thương, cố ý giết người được thể hiện trong điều 4 của thông tư này.

Năm 1955, do bối cảnh lịch sử và tình hình xã hội lúc bấy giờ nên Bộ Tư pháp đã có thông tư số 19/VHH – HS ngày 30/06/1955 yêu cầu Tòa án không áp dụng luật lệ phong kiến vào việc định tội, từ đó đã cho ra đời hàng loạt văn bản mới như: Chỉ thị số 1025-TATC ngày 15/6/1960 của Tòa án nhân dân tối cao về đường lối xử lý tội giết người vì mê tín; Chỉ thị số 01-NCCCS ngày 13/3/1963 của Tòa án nhân dân tối cao về xử lý tội giết trẻ sơ sinh; Bản chuyên đề tổng kết thực tiễn xét xử loại tội giết người ban hành kèm theo Công văn số 452/HS2 ngày 10/8/1970 của Tòa án tối cao về thực tiễn xét xử tội giết người; Thông tư 24/TANDTC ngày 25/11/1974 về việc xét xử các tội cố ý giết người; Sắc lệnh số 03/ST – 76 ngày 15/03/1976 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời quy định các tội phạm và hình phạt, đồng thời ban hành thông tư hướng dẫn các tội xâm phạm thân thể, nhân phẩm của công dân như: cố ý giết người, cố ý gây thương tích ...

Sau năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, bên cạnh niềm vui hòa bình thống nhất thì chúng ta phải đương đầu với nhiều khó khăn thử thách, một trong số đó là tình hình tội phạm gia tăng do lợi dụng hoàn cảnh đất nước mới thống nhất, đặc biệt là tội phạm giết người cướp của. Trong

bối cảnh đó, nghị quyết ngày 02/7/1976 của Quốc hội khóa VI, kì họp thứ nhất, Hội đồng chính phủ đã thu thập ý kiến của các ngành và đã chủ trương như sau:

“a) Những văn bản pháp luật hiện hành ở hai miền đều được áp dụng chung trong cả nước vì đều xuất phát từ đường lối, chính sách của Đảng cụ thể là:

- Đối với các tỉnh phía nam: những sắc luật mới được ban hành cũng như những văn bản pháp luật khác của Chính phủ cách mạng lâm thời vẫn tiếp tục được áp dụng. Nhưng nếu có điều khoản nào đã được quy định một cách tổng quát, thì có thể và cần thiết phải vận dụng luật lệ đã được thi hành ở miền Bắc.

Đối với vấn đề nào mà ở miền Nam trước đây chưa có luật lệ mà miền Bắc đã có, thì vận dụng luật lệ đang được thi hành ở miền bắc, nhưng phải xem xét vận dụng vào tình hình, đặc điểm của miền Nam cho phù hợp.

Đối với các tỉnh phía Bắc: Đối với các vấn đề nào mà miền Bắc chưa có hoặc tuy đã có nhưng chưa thích hợp mà miền Nam đã có và tiến bộ hơn thì áp dụng luật lệ ở miền nam”[18].

Có thể nói trong giai đoạn 1945-1985 đã đánh dấu bước ngoặt mới của pháp luật hình sự Việt Nam. Các nhà làm luật đã có sự phân hóa trách nhiệm hình sự cũng như mức độ thực hiện tội phạm để có đường lối xử lý tội phạm, tránh sự tùy tiện trong việc áp dụng pháp luật. Tuy còn một số hạn chế nhất định nhưng pháp luật hình sự giai đoạn này có ý nghĩa to lớn là nền tảng cho việc quy định pháp luật hình sự giai đoạn tiếp theo.

- **Giai đoạn từ năm 1985 – 1999**

Năm 1985 là mốc lịch sử quan trọng đánh dấu sự ra đời của Bộ luật hình sự (BLHS) đầu tiên của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, BLHS đầu tiên của Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/1985, trong đó tội giết người được quy định tại chương II điều 101, bao gồm 4 khoản quy định cụ thể cho từng hành vi của tội này.

“Điều 101: Tội giết người

1- Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình;

a) Vì động cơ đê hèn; để thực hiện hoặc để che giấu tội phạm khác;

b) Thực hiện tội phạm một cách man rợ; bằng cách lợi dụng nghề nghiệp hoặc bằng phương pháp có khả năng chết nhiều người;

c) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;

d) Giết nhiều người hoặc giết phụ nữ mà biết là có thai;

đ) Có tổ chức;

e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội nghiêm trọng khác;

g) Có tính chất côn đồ; tái phạm nguy hiểm.

2- Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định ở khoản 1 Điều này hoặc không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.

3- Phạm tội trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

4- Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con mới đẻ hoặc vứt bỏ con mới đẻ dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm”[22].

Đây cũng là giai đoạn áp dụng pháp luật Hình sự thống nhất cả nước. Toà án nhân dân tối cao đã ra quyết định số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của BLHS. Nghị quyết số 01/89 HĐTP ngày 19/04/1986 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn bổ sung một số quy định của BLHS.

• Giai đoạn 1999 - nay

Qua thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm, tính chất của tội phạm giết người ngày càng nguy hiểm, càng tinh vi, manh động. Nhằm phù hợp với tình hình thực tế phát sinh, BLHS Việt Nam qua 4 lần sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989, 1991, 1992, 1997 đến năm 1999 tại kỳ họp thứ VI Quốc hội khoá X đã quyết định thông qua Bộ Luật hình sự năm 1999 và có hiệu lực vào ngày 01/07/2000. Ở bộ luật này, tội giết người tại Điều 93 quy định chi tiết hơn, cụ thể hơn về hành vi tội giết người, đồng thời quy định cụ thể về hình phạt cho từng loại hành vi.

“1. Người nào giết người thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Giết nhiều người;*
- b) Giết phụ nữ mà biết là có thai;*
- c) Giết trẻ em;*
- d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;*
- đ) Giết ông bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;*
- e) Giết người mà trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng;*
- g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác;*
- h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;*
- i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ;*
- k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp;*
- l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;*
- m) Thuê giết người hoặc giết người thuê;*
- n) Có tính chất côn đồ;*
- o) Có tổ chức;*
- p) Tái phạm nguy hiểm;*
- q) Vì động cơ đê hèn.*

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp qui định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm”[23].

Bộ luật Hình sự năm 1999 được Quốc hội khoá XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự được Quốc hội thông qua năm 1999, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

1.2.2. Quy định của Bộ luật hình sự hiện hành về tội giết người

- **Quy định về tội phạm**

Để đáp ứng yêu cầu khách quan của xã hội, đồng thời kế thừa, phát huy những kinh nghiệm trong quá trình áp dụng BLHS năm 1985, Quốc hội nước ta đã thông qua Bộ luật hình sự mới đó là Bộ luật hình sự năm 1999. Tội giết người được quy định tại Điều 93, cụ thể:

“1. Người nào giết người thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Giết nhiều người;*
- b) Giết phụ nữ mà biết là có thai;*
- c) Giết trẻ em;*
- d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;*
- đ) Giết ông bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;*
- e) Giết người mà trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng;*
- g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác;*
- h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;*
- i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ;*
- k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp;*

l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;

m) Thuê giết người hoặc giết người thuê;

n) Có tính chất côn đồ;

o) Có tổ chức;

p) Tái phạm nguy hiểm;

q) Vì động cơ đê hèn.

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp qui định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.”

Tuy nhiên trên thực tế xét xử vẫn còn nhiều vướng mắc và có nhiều ý kiến khác nhau, nên các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản để giải thích, hướng dẫn đối với tội phạm giết người như:

- Nghị quyết 04/86/HĐTPTANDTC ngày 29/11/1986
- Nghị quyết 01/89/HĐTPTATC ngày 19/04/1989
- Nghị quyết 01/2006/HĐTPTANDTC ngày 12/05/2006

- Quy định về hình phạt

Theo quy định đối với tội giết người gồm ba loại hình phạt chính là tù có thời hạn, tù chung thân và tử hình.

Tội giết người theo quy định tại Điều 93 BLHS gồm có 3 khung:

- Khung thứ nhất là khung tăng nặng có mức phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình đối với các trường hợp sau:

+ Giết nhiều người: Được hiểu là giết từ hai người trở lên hoặc có ý thức bỏ mặc cho hậu quả nhiều người chết xảy ra. Người phạm tội có thể giết nhiều người trong cùng một lần hoặc nhiều lần khác nhau. Tuy nhiên nếu người phạm tội có ý thức bỏ mặc cho hậu quả chết người xảy ra thì hậu quả phải có từ 02 người chết trở lên mới thuộc tình tiết giết nhiều người.

+ Giết phụ nữ mà biết là có thai: Nạn nhân là phụ nữ có thai mà người phạm tội biết rõ, không kể thai người phụ nữ đang mang vào tháng thứ mấy. Tình tiết này được hướng dẫn tại mục 2.3 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC như sau: *“Bị cáo và mọi người đều nhìn thấy được hoặc bị cáo nghe được, biết được từ các nguồn thông tin khác nhau về người phụ nữ đó mang thai”*[13].

+ Giết trẻ em: Theo quy định tại Điều 1 của Luật bảo vệ, chăm sóc trẻ em 2004 thì *“Trẻ em quy định trong Luật này là công dân Việt Nam dưới mười sáu tuổi”*[18]. Theo Điều 1 Luật trẻ em 2016 thì *“Trẻ em là người dưới 16 tuổi”*[19].

+ Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân: Nạn nhân đang thực thi nhiệm vụ do cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội giao phó vì những lợi ích chung. Người thực hiện hành vi tước quyền sống của nạn nhân biết rõ công vụ nạn nhân đang thực hiện.

+ Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình: Đây là trường hợp giết người mà nạn nhân là người có quan hệ đặc biệt với người phạm tội. Trong mối quan hệ đặc biệt này, người phạm tội phải là người hơn ai hết biết ơn và kính trọng nạn nhân. Với hành vi phạm tội của mình, người phạm tội trong trường hợp này không chỉ vi phạm pháp luật mà còn vi phạm nghiêm trọng đạo lý làm con, cháu, làm trò, làm người được nuôi dưỡng.

+ Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng: Là trường hợp giết người sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc người phạm tội vừa thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng sau đó thực hiện hành vi giết người. Tội phạm đó phải liền trước hoặc liền sau tội giết người khi xét về mặt thời gian, có sự liên tục nhau và có tình tiết ngay tức khắc.

+ Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác: Vì để thực hiện một tội phạm khác mà đã giết người hoặc giết người nhằm che giấu một tội phạm mà chính chủ thể đã thực hiện hoặc không do chủ thể thực hiện.

+ Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân: Đây là trường hợp giết người mà động cơ phạm tội là việc chiếm đoạt bộ phận cơ thể của nạn nhân cho mình, cho người thân hoặc để trao đổi, mua bán. Động cơ phạm tội trong trường hợp này được xem như loại động cơ đê hèn, thể hiện tính ích kỷ cá nhân cao độ trong việc đánh đổi tính mạng người khác cho việc thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

+ Thực hiện tội phạm một cách man rợ: Người phạm tội đã thực hiện hành vi dã man, man rợ, tàn ác, không còn tính người. Gây ra sự ghê sợ, kinh khủng, phản uất cho bộ phận xã hội, cộng đồng...

+ Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp: Là trường hợp giết người mà người phạm tội đã lợi dụng nghề nghiệp của mình để có thể dễ dàng thực hiện hoặc che dấu hành vi giết người.

+ Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người: Là trường hợp giết người mà người phạm tội đã sử dụng công cụ, phương tiện, hoặc thủ đoạn phạm tội có khả năng làm chết nhiều người (trong hoàn cảnh cụ thể).

+ Thuê giết người hoặc giết người thuê: Là trường hợp dùng lợi ích vật chất sai khiến người khác thực hiện hành vi giết người theo ý muốn của mình, biến họ thành “công cụ” giết người trong tay mình. Ngược lại, giết người thuê là trường hợp giết người chỉ vì động cơ kiếm tiền hay lợi ích vật chất khác. Đây cũng là một dạng của động cơ đê hèn.

+ Có tính chất côn đồ: Là trường hợp giết người mà tất cả tình tiết của vụ án thể hiện người phạm tội có tính chất hung hãn cao độ, quá coi thường tính mạng của người khác, sẵn sàng giết người vì những nguyên cớ nhỏ nhặt nhất.

+ Có tổ chức: Là trường hợp đồng phạm giết người mà giữa các chủ thể có sự cấu kết chặt chẽ với nhau.

+ Tái phạm nguy hiểm: Giết người trong trường hợp tái phạm nguy hiểm là trường hợp giết người thỏa mãn các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 49 Bộ luật hình sự.

+ Vì động cơ đê hèn: Là trường hợp giết người mà tính chất của động cơ phạm đã làm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi giết người tăng lên một cách đáng kể so với những trường hợp bình thường. Thực tế xét xử thừa nhận những động cơ phạm tội sau coi là động cơ đê hèn: Giết vợ hoặc chồng để lấy vợ hoặc chồng khác; giết người vì vụ lợi (giết người để được hưởng thừa kế...); giết người có tính chất bội bạc, phản trắc (giết người tình đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm...).

- Khung thứ hai có hình phạt từ 7 năm đến 15 năm. Đây là trường hợp giết người thông thường nên không có các tình tiết tăng nặng. Lẽ ra trường hợp phạm tội này phải là cấu thành cơ bản, nhưng do kỹ thuật và truyền thống lập pháp nên đối với tội giết người nhà làm luật xây dựng cấu thành tăng nặng trước, sau đó mới đến cấu thành cơ bản.

So với quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, Bộ luật hình sự năm 2015 cũng quy định hình phạt chính đối với tội giết người là hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân và tử hình. Tuy nhiên có bổ sung thêm hình phạt tại khoản 3 là quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội giết người, mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Đây là một quy định mới thể hiện sự tiến bộ trong quá trình lập pháp hình phạt. Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan và người tiến hành tố tụng quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội giết người.

- Khung thứ ba là hình phạt bổ sung, hình phạt không được tuyên độc lập mà chỉ có thể tuyên kèm theo một hình phạt chính được quy định tại Khoản 3 Điều 93 BLHS:

“3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.”[23, tr.98]

Khác với Bộ luật hình sự năm 1999, hình phạt bổ sung đối với tội giết người theo bộ luật hình sự năm 2015 được quy định tại khoản 4, điều 123. Đây

là thay đổi về bố cục do kỹ thuật lập pháp đã đưa thêm khoản 3 quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội giết người vào khoản 3 điều 123. Hình thức phạt bổ sung quy định tại khoản 4 điều 123 bao gồm các hình thức quy định tại khoản 3 điều 93 BLHS năm 1999. Bao gồm “cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Tuy nhiên hình phạt bổ sung quy định tại khoản 4 điều 123 BLHS năm 2015 bỏ hình phạt “cấm đảm nhiệm chức vụ”. Thể hiện sự kế thừa và phát triển về hình phạt bổ sung đối với tội giết người của BLHS năm 2015.

Kết luận chương 1

Trên cơ sở nghiên cứu khái niệm chung về tội phạm trong Bộ luật hình sự năm 1999, kết hợp với quy định tại Điều 93 BLHS, tác giả đã đưa ra được khái niệm cụ thể và phân tích các dấu hiệu pháp lý của tội giết người; đồng thời khái quát lịch sử xây dựng và hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về tội giết người để có cách nhìn toàn diện hơn về chính sách hình sự của Đảng, Nhà nước ta đối với tội phạm này. Việc nghiên cứu, làm rõ những cơ sở lý luận và pháp lý của tội giết người có ý nghĩa hết sức quan trọng, là căn cứ cơ bản, là tiền đề để chúng ta tiến đến nghiên cứu hoạt động định tội và hoạt động quyết định hình phạt đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (từ năm 2011-2015).

Chương 2

ĐỊNH TỘI DANH VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

2.1. Định tội danh đối với tội giết người

2.1.1. *Cách tiếp cận để nhận diện thực tiễn định tội danh theo pháp luật hình sự Việt Nam*

- *Định tội danh và các đặc điểm của định tội danh*

Quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự (QPPLHS) diễn ra phức tạp và đa dạng được thể hiện ở 3 giai đoạn: Định tội danh, định khung hình phạt và quyết định hình phạt. Trong đó, định tội danh là giai đoạn quan trọng nhất trong ba giai đoạn trên của toàn bộ quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Bởi vì định tội danh được tiến hành thực hiện ở tất cả các giai đoạn của cả quá trình tố tụng hình sự từ giai đoạn khởi tố đến giai đoạn thi hành án. Trong khi đó bước quyết định hình phạt chỉ được tiến hành ở giai đoạn xét xử.

Định tội danh là một trong những biện pháp đưa BLHS vào đời sống xã hội, góp phần vào việc nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, qua đó góp phần thực hiện đường lối chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta.

Định tội danh là sự xác nhận về mặt pháp lý sự phù hợp (sự đồng nhất) giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện trong thực tế khách quan với các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm tương ứng được quy định trong BLHS. Hay nói cách khác, định tội danh là việc xác định một hành vi cụ thể đã thực hiện thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của CTTTP của tội nào trong số các tội phạm đã được quy định trong BLHS.

Từ những vấn đề nêu trên cho thấy định tội danh có 4 đặc điểm như sau:

- Định tội danh là một quá trình nhận thức có tính logic giữa lý luận và thực tiễn. Thể hiện ở 2 khía cạnh: xác định xem hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện có phù hợp với các dấu hiệu của CTTTP cụ thể trong BLHS và đưa

ra sự đánh giá nhất định về mặt pháp lý hình sự đối với hành vi đã thực hiện trong thực tế.

- Quá trình hoạt động định tội danh phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy phạm pháp luật của luật nội dung là BLHS cũng như các quy phạm pháp luật của luật hình thức là BLTTHS.

- Định tội danh là một dạng hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng để cụ thể hóa các QPPLHS trừu tượng áp dụng vào đời sống thực tế. Trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết của hành vi phạm tội đã thực hiện và sự nhận thức đầy đủ, đúng đắn nội dung của các QPPLHS.

- Định tội danh với tính chất là một dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự được tiến hành theo 04 bước sau:

Bước 1: Thiết lập, xem xét, đánh giá đúng các tình tiết của vụ án đã xảy ra trên thực tế khách quan.

Đối với bước này, đòi hỏi người định tội danh phải đánh giá các tình tiết của vụ án một cách khách quan, toàn diện, vô tư, không định kiến, không suy diễn. Phải dựa vào các chứng cứ đã thu thập được và đánh giá theo quy định của BLTTHS.

Mỗi một tình tiết trong vụ án bước đầu đánh giá chúng một cách độc lập để thấy được sự thể hiện tính chất của nó là loại hành vi nào. Sau đó, chính tình tiết đó lại tiếp tục đặt trong mối quan hệ với các tình tiết khác trong vụ án, thì kết luận về tính chất của tình tiết này mới là sự thể hiện về bản chất của nó trong cả quá trình của vụ án.

Đánh giá mỗi tình tiết của vụ án, phải đặt nó trong hoàn cảnh cụ thể, trong tổng thể, biện chứng của cả quá trình phản ánh đúng diễn biến của vụ án đã xảy ra. Bởi vì, cùng một tình tiết, nhưng đặt trong mỗi hoàn cảnh khác nhau thì chúng khác nhau về bản chất. Kết luận về từng tình tiết độc lập, không thể phản ánh đúng về bản chất của tình tiết đó trong toàn bộ diễn biến của vụ án.

Bước 2: Nhận thức một cách thống nhất và chính xác nội dung các quy phạm pháp luật hình sự phản ánh các dấu hiệu của CTTP về tội danh có hướng lựa chọn.

Việc tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của BLHS là điều kiện bắt buộc và rất cần thiết trong khi định tội danh, là việc thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước ta trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, các dấu hiệu trong CTTP được quy định trong BLHS mang tính trừu tượng chỉ nêu một cách khái quát những nét đặc trưng mang tính phổ biến để điều chỉnh hiện tượng thực tế muôn hình muôn vẻ, chính vì vậy các QPPL không thể phản ánh hết được tất cả các mặt của đời sống xã hội mà chỉ phản ánh được những nét đặc trưng của nó. Nhưng mặt khác, luật phải được áp dụng đối với những trường hợp cụ thể. Vì vậy, đòi hỏi phải có quá trình tư duy để nhận thức sâu rộng, đúng đắn về nội dung của các dấu hiệu trong CTTP. Rất nhiều các QPPLHS chưa xác định rõ ràng ranh giới giữa chúng với nhau.

Ví dụ: Việc quyết định hình phạt trong trường hợp bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng đồng thời có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Hoặc như thế nào là nguy hiểm đáng kể và nguy hiểm chưa đáng kể. Chưa kể còn một số quy định trong BLHS thể hiện rõ sự bất cập của nó như: chính sách hình sự đối với người phạm tội chưa đủ 16 tuổi.

Trong các trường hợp này đòi hỏi người định tội danh phải tự đánh giá trên căn cứ khoa học và căn cứ thực tế sao cho có sức thuyết phục. Hay nói cách khác, đòi hỏi người định tội danh phải có trình độ pháp lý hình sự.

Bước 3: So sánh đối chiếu hai quá trình trên.

Bước 4: Ra văn bản áp dụng pháp luật chính là bản án và các quyết định có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục về 3 bước trên để xác định tội danh cần áp dụng đối với trường hợp phạm tội của người đó.

Qua các đặc điểm của định tội danh đã phân tích ở trên có thể đưa ra khái niệm định tội danh như sau: *Định tội danh là hoạt động thực tiễn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người có thẩm quyền trên cơ sở các quy định của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự để xác định, so sánh và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi tội cụ thể trong thực tế đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm của điều luật tương ứng trong Phần các tội phạm BLHS quy định, cũng như các*

quy định khác trong BLHS có liên quan, qua đó làm tiền đề phân tích, đánh giá và ra quyết định về trách nhiệm hình sự cũng như hình phạt của người phạm tội.

Từ cơ sở lý luận về định tội danh nêu trên, kết hợp với quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội giết người, theo tác giả có thể đưa ra khái niệm đang nghiên cứu như sau:

Định tội danh đối với tội giết người là hoạt động thực tiễn của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và người có thẩm quyền trên cơ sở các quy định của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự để xác định, so sánh và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể trong thực tế đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm của Điều 93 và các quy định khác có liên quan trong Bộ luật hình sự, qua đó làm tiền đề để phân tích, đánh giá và ra quyết định về trách nhiệm hình sự cũng như hình phạt của người phạm tội giết người.

Các yếu tố làm căn cứ trong hoạt động định tội danh

Các văn bản pháp luật - là cơ sở pháp lý - được sử dụng trong hoạt động định tội danh đó là: BLHS, BLTTHS, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của BTVQH, nghị quyết của hội đồng thẩm phán TANDTC, thông tư liên ngành của TANDTC, VKSNDTC, Bộ công an, Bộ tư pháp... Trong số các văn bản pháp luật thì BLHS là cơ sở pháp lý trực tiếp cho toàn bộ quá trình định tội danh còn các văn bản còn lại chỉ là cơ sở pháp lý bổ trợ (gián tiếp) cho quá trình này.

Cơ sở pháp lý của định tội danh đối với tội giết người là toàn bộ các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến vấn đề định tội danh đối với tội phạm này. Theo quan điểm của các nhà khoa học pháp lý hình sự Việt Nam hiện nay, có thể có hai cách tiếp cận đối với vấn đề cơ sở pháp lý của định tội danh: một cách tiếp cận theo nghĩa hẹp và cách tiếp cận kia theo nghĩa rộng.

Cơ sở pháp lý về nội dung của định tội danh đối với tội giết người là các văn bản pháp luật trong lĩnh vực luật hình sự, mà trước hết và chủ yếu là Bộ luật hình sự.

Cơ sở pháp lý về hình thức được hiểu là các bản bản pháp luật quy định về thủ tục tố tụng làm cơ sở cho việc định tội danh và giải quyết vụ án hình sự.

- *Ý nghĩa của hoạt động định tội danh*

Hoạt động định tội danh của các chủ thể có thể theo 2 xu hướng: Định tội danh đúng và định tội danh sai.

Định tội danh đúng là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hoá hình phạt một cách công minh và có căn cứ pháp luật. Định tội danh đúng sẽ hỗ trợ cho việc thực hiện một loạt các nguyên tắc tiên bộ được thừa nhận trong Nhà nước pháp quyền như: nguyên tắc pháp chế, trách nhiệm do lỗi, trách nhiệm cá nhân, bình đẳng trước pháp luật hình sự, nguyên tắc công minh nhân đạo và nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm. Định tội danh đúng là một trong những cơ sở để áp dụng chính xác các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự về tạm giam, về thẩm quyền điều tra, xét xử qua đó góp phần hữu hiệu cho việc bảo vệ các quyền và tự do dân chủ của công dân trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

Định tội danh sai sẽ dẫn đến một loạt các hậu quả tiêu cực như: không đảm bảo được tính công minh có căn cứ đúng pháp luật, truy cứu trách nhiệm hình sự người vô tội, bỏ lọt người phạm tội, xâm phạm thô bạo danh dự nhân phẩm các quyền tự do dân chủ của công dân là giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận trong Nhà nước. Định tội danh sai làm giảm uy tín của cơ quan tư pháp, vi phạm pháp chế XHCN, ảnh hưởng đến hiệu quả của đấu tranh phòng chống tội phạm. Nghị quyết 388/UBTVQH ban hành ngày 17/3/2003 về bồi thường oan sai trong tố tụng hình sự. Những vụ việc oan sai chủ yếu bắt nguồn từ việc đánh giá chứng cứ phiến diện, thiếu thận trọng, nôn nóng khởi tố, bắt tạm giam, suy diễn chủ quan.

2.1.2. Thực tiễn định tội danh tội giết người trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

2.1.2.1. Tình hình xét xử tội phạm nói chung và tội giết người trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2015

Qua nghiên cứu, phân tích số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh về tình hình xét xử sơ thẩm tội giết người trong thời gian từ năm 2011-2015 ta có bảng số liệu:

Bảng 2.1: Tình hình xét xử tội giết người giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Năm	Tổng số vụ án đưa ra xét xử	Tổng số bị cáo đưa ra xét xử	Tổng số vụ án đưa ra xét xử theo Điều 93	Tổng số bị cáo đưa ra xét xử theo Điều 93	Tỷ lệ % (III) và (I)	Tỷ lệ % (IV) và (II)
	(I)	(II)	(III)	(IV)		
2011	114	276	13	38	11.4%	13,7%
2012	110	254	11	28	10%	11,0%
2013	122	224	15	23	12.3%	10,3%
2014	144	231	19	24	13.1%	10,4%
2015	147	240	18	26	12.2%	10,8%
Tổng	637	1225	76	139	11.9%	11,3%

Nguồn: Tòa án nhân dân Tỉnh Quảng Ninh

Phân tích Bảng 2.1 cho thấy:

Trong thời gian từ năm 2011-2015, tổng số các loại vụ án do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đưa ra xét xử là 637 vụ án và tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử là 1225 bị cáo. Trong đó, tổng số vụ án đưa ra xét xử về tội giết người là 76 vụ án (chiếm tỷ lệ là 11,9%) và số bị cáo bị xét xử tội này là 139 bị cáo (chiếm tỷ lệ là 11,3%). Điều đó cho thấy trong những năm qua tình hình tội phạm giết người trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có diễn biến phức tạp, chiếm 1 tỉ lệ không nhỏ trong tổng số các vụ án được đưa ra xét xử.

Bảng 2.2: Tỷ lệ xét xử sơ thẩm các vụ án và bị cáo bị về tội giết người so với các tội phạm về xâm phạm tính mạng sức khỏe giai đoạn 2011- 2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Năm	Các tội về xâm hại tính mạng và sức khỏe (I)		Tội giết người Điều 93 BLHS(II)		Tỉ lệ %(II) so với (I)	
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
2011	86	142	13	38	15,1%	26,8%
2012	90	158	11	28	12,2%	17,7%
2013	82	136	15	23	18,3%	16,9%
2014	67	125	19	24	28,3%	19,2%
2015	72	133	18	26	25%	19,5%
Tổng	397	694	76	139	19,1%	20 %

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Phân tích Bảng 2.2 cho thấy:

Trong toàn bộ các vụ án về xâm hại tính mạng và sức khỏe do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã xét xử thì số vụ án và số bị cáo bị xét xử về tội giết người chiếm 1 tỉ lệ không nhỏ; trong 2014, 2015 chiếm tỷ lệ trên 20%.

Bảng 2.3: Tổng số vụ, số bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã xét xử về tội giết người giai đoạn 2011-2015

Năm	Số vụ phải xét xử		Số đã xét xử		Số trả lại viện kiểm sát	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2011	13	38	13	38	0	0
2012	11	28	11	28	0	0
2013	15	23	14	20	1	3

2014	19	24	19	24	0	0
2015	18	26	16	24	2	2
Tổng	76	139	73	134	3	5

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Phân tích bảng 2.3 cho thấy:

Trong thời gian từ năm 2011-2015, số vụ án phải xét xử về tội giết người là 76 vụ với 139 bị cáo, đã xét xử 73 vụ với 134 bị cáo, số vụ án trả lại Viện kiểm sát là 03 vụ với 05 bị cáo. Điều đó thể hiện trước diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm nhưng với sự cố gắng và nỗ lực của các cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong việc phát hiện và xử lý tội phạm.

Bảng 2.4. Tổng số vụ án, bị cáo tội giết người Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử có kháng cáo, kháng nghị giai đoạn 2011-2015

Năm	Tổng số vụ án, bị cáo giết người	Số vụ án, bị cáo có kháng cáo, kháng nghị	Kết quả giải quyết		
			Y án	Sửa án	Hủy án
2011	13 vụ - 38 bị cáo	08 vụ - 13 bị cáo	6 vụ - 9 bị cáo	2 vụ - 4 bị cáo	
2012	11 vụ - 28 bị cáo	05 vụ - 10 bị cáo	2 vụ - 6 bị cáo	3 vụ - 4 bị cáo	
2013	15 vụ - 23 bị cáo	07 vụ - 12 bị cáo	6 vụ - 10 bị cáo	1 vụ - 2 bị cáo	
2014	19 vụ - 24 bị cáo	11 vụ - 14 bị cáo	10 vụ - 13 bị cáo	1 vụ - 1 bị cáo	
2015	18 vụ - 26 bị cáo	06 vụ - 8 bị cáo	4 vụ - 6 bị cáo	2 vụ - 2 bị cáo	
Tổng	76 vụ - 139 bị cáo	37 vụ - 57 bị cáo	28 vụ - 44 bị cáo	9 vụ - 13 bị cáo	

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Phân tích Bảng 2.4 cho thấy:

Trong thời gian năm năm từ năm 2011 đến năm 2015 Tòa áp cấp tỉnh thụ lý giải quyết án sơ thẩm án giết người 76 vụ, 139 bị cáo. Trong đó có 37 vụ, 57 bị cáo kháng cáo và kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kết quả Tòa án cấp phúc thẩm đã xét xử y án 28 vụ, 44 bị cáo, sửa án 09 vụ, 13 bị cáo, không có vụ nào bị hủy án điều tra xét xử lại theo thủ tục chung.

Điều đó thể hiện trước sự diễn biến của tình hình tội phạm ngày càng phức tạp, tinh vi, xảo quyệt, nhưng với sự cố gắng nỗ lực, phấn đấu của các cơ quan có thẩm quyền và sự quan tâm của các cấp ủy đảng và chính quyền, trong thời gian qua các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong việc phát hiện và xử lý tội phạm nói chung trong đó có tội phạm xâm phạm tính mạng của người khác nói riêng. Không có xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Đảm bảo nguyên tắc công bằng, tạo được sự đồng tình của quần chúng nhân dân.

2.1.2.2. Thực tiễn định tội danh tội giết người trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo cấu thành cơ bản

Việc định tội danh theo cấu thành cơ bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong 5 năm qua thể hiện cụ thể như sau:

- Định tội danh theo chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội giết người là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ 14 tuổi trở lên. Thực tế tại tỉnh Quảng Ninh trong thời gian từ năm 2011-2015 chưa có trường hợp nào gặp khó khăn vướng mắc trong vấn đề xác định chủ thể của tội phạm.

Định tội danh theo khách thể của tội phạm

Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ khỏi sự xâm hại của hành vi phạm tội. Tội giết người có khách thể là tính mạng, sức khỏe của con người được quy định tại chương XII của BLHS. Nhận thức đúng

khách thể sẽ giúp cho việc định tội danh của các cơ quan tiến hành tố tụng được chính xác.

Ví dụ vụ án La Văn Quảng cùng đồng bọn phạm tội giết người:

Ngày 24/2/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã đưa ra xét xử công khai đối với La Văn Quảng cùng đồng bọn về tội giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS. Tại phiên tòa, theo quan điểm bào chữa của luật sư thì các bị cáo chỉ phạm tội cố ý gây thương tích, không phạm tội giết người vì với luận điểm là các bị cáo không có ý thức giết người bị hại là anh Nam và anh Nam chỉ bị thương tích 67% sức khỏe, như vậy là không xâm hại đến khách thể của tội giết người là tính mạng anh Nam. Tuy nhiên, tại bản án số 12/2013/HSST ngày 24/2/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tuyên bố các bị cáo phạm tội giết người và áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo. Với nhận định tuy anh Nam không chết nhưng hành vi khách quan đã thể hiện ý thức chủ quan của các bị cáo là tước đoạt tính mạng của anh Nam. Khách thể bị xâm hại là tính mạng chứ không phải thương tích, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt [38].

- *Định tội danh giết người theo mặt khách quan của tội phạm*

Mặt khách quan của tội giết người là hành vi tước đoạt tính mạng của người khác một cách trái pháp luật, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi tước đoạt tính mạng người khác và hậu quả xảy ra.

Vụ án Bùi Văn Dũng phạm tội Giết người: Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống. Trưa ngày 16/6/2014, anh Bùi Văn Dũng sau khi nghe tin em trai mình bị Nguyễn Văn Huy đâm vào mặt, anh liền bức tức lấy con dao bầu ở sau nhà rồi chạy đi tìm anh Huy, đâm anh Huy 02 nhát vào ngực và chém một nhát vào đầu làm anh Huy gục xuống đường và tử vong trên đường đi cấp cứu.

Khi vụ án xảy ra, có nhiều quan điểm trái chiều về hành vi của anh Dũng phạm tội “Giết người” hay “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Và trên cơ sở đánh giá chính xác toàn diện hành vi thực tế của bị cáo, yếu tố lỗi của người bị hại và trạng thái tinh thần của chủ thể khi thực hiện

hành vi phạm tội, các cơ quan tiến hành tố tụng đã định tội danh đúng với hành vi của Dũng là tội giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS. Tòa án nhân dân Tỉnh Quảng Ninh đã tuyên phạt Bùi Văn Dũng 07 năm 06 tháng tù về tội giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS [38].

Hành vi của anh Huy chỉ là vi phạm nhỏ, không phải là lỗi trái pháp luật nghiêm trọng. Ở đây trạng thái tâm lý của anh Dũng không đến mức hoàn toàn không tự chủ được do đó anh Dũng phạm tội giết người không thể coi là trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

- *Định tội danh giết người theo mặt chủ quan của tội phạm*

Mặt chủ quan của tội phạm bao gồm lỗi (cố ý hoặc vô ý) động cơ và mục đích phạm tội. Mặt chủ quan phản ánh mối liên hệ giữa ý thức và ý chí của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội mà người đó thực hiện. Người phạm tội giết người thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp. Trong 5 năm qua, cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Quảng Ninh đã đảm bảo định tội danh đúng với tội giết người theo mặt chủ quan của tội phạm. Các điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán trong quá trình định tội danh đã xác định được đúng, đầy đủ các tình tiết cụ thể của từng hành vi phạm tội được thực hiện trong mỗi vụ án cụ thể.

2.1.2.3. Thực tiễn định tội danh tội giết người trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo cấu thành tăng nặng

Trong thời gian 5 năm từ 2011-2015, thực tiễn định tội danh theo cấu thành tăng nặng của các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Quảng Ninh về cơ bản đã đảm bảo chính xác, không để xảy ra tình trạng oan, sai hay bỏ lọt tội phạm. Để đạt được kết quả này là do cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, hành vi phạm tội của người thực hiện và các tình tiết khác có liên quan. Nắm chắc và nhận thức đúng về các tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 1 điều 93 BLHS, từ đó áp dụng vào quá trình tội danh đúng.

Vụ án Nguyễn Văn Linh phạm các tội “ Giết người” và “Cướp tài sản” là một minh chứng. Nội dung vụ án như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Văn Linh đã nảy ra ý định thuê xe ôm do anh Nguyễn Tấn Khải điều khiển từ bến xe Bãi cháy về ngõ Đoàn kết, phường Hà Lâm để chiếm đoạt chiếc xe máy. Khoảng 22h10p ngày 18/7/2015, anh Khải điều khiển xe máy nêu trên chở Linh về đến cuối ngõ đoàn kết, phường Hà Lâm, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Tại đây, Linh dùng dao đâm nhiều nhát vào người anh Khải làm anh Khải ngã xuống sau đó dùng tay bóp cổ anh Khải khiến anh tử vong.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Nguyễn Văn Linh về tội Giết người và tội cướp tài sản quy định tại Điều 93, BLHS.

Quá trình đấu tranh khai thác, ban đầu Linh khai báo quanh co không công nhận mục đích giết người để cướp xe máy bán lấy tiền tiêu xài tuy nhiên cơ quan CSĐT đã tiến hành thu thập lời khai của những người có liên quan, thu thập bằng chứng và đấu tranh với Nguyễn Văn Linh, Linh đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 20/11/2015 , Nguyễn Văn Linh đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đưa ra xét xử tử hình về tội Giết người và 12 năm tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp hình phạt là tử hình [38].

Để định tội danh đúng được chính xác các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Quảng Ninh đã xác định đúng khách thể của tội phạm ở đây là tính mạng và tài sản của người bị hại, được điều 93 và 133 BLHS bảo vệ. Linh giết người sau đó cướp tài sản. Hành vi của Linh thuộc cấu thành tăng nặng quy định tại điểm e, khoản 1 điều 93 BLHS.

Bên cạnh những vấn đề trên thì thực tiễn trong thời gian qua, việc định tội danh của các cơ quan tố tụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh vẫn còn một số thiếu sót, hạn chế đó là việc nhận thức không thống nhất về tình tiết định khung tăng

nặng dẫn đến việc khác nhau trong quá trình định tội danh theo cấu thành cơ bản hay tăng nặng.

Xin dẫn vụ án dưới đây để chứng minh:

Do mâu thuẫn trong việc Chị Nguyễn Thị Oanh cho thợ lắp đặt đường dẫn khí hút mùi của nhà bếp xả thẳng ra phía nhà anh Lê Văn Thắng (hàng xóm). Khoảng 8h sáng ngày 14/5/2012, anh Thắng đã dùng dao bầu dài 30cm, lưỡi kim loại dài 18cm đâm nhiều nhát vào vùng lưng, và ngực chị Oanh gây tràn máu khoang màng phổi phải, rách mặt trước trên bao tim làm mất máu dẫn đến tử vong ngay tại hiện trường.

Cơ quan CSĐT công an tỉnh Quảng Ninh đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với anh Lê Văn Thắng về tội giết người để điều tra, xử lý. Kết thúc điều tra, ngày 5/8/2012, Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Quảng Ninh có bản kết luận điều tra số 30, đề nghị Viện KSND tỉnh Quảng Ninh ra quyết định truy tố Lê Văn Thắng về tội giết người theo khoản 2 điều 93 BLHS.

Không thông nhất quan điểm đề nghị của Cơ quan điều tra, ngày 31/8/2012 Viện KSND tỉnh Quảng Ninh đã có bản cáo trạng số 45 truy tố Lê Văn Thắng về tội giết người theo tình tiết định khung tăng nặng tại điểm n khoản 1 điều 91 BLHS: “ có tính chất côn đồ”.

Ngày 26/10/2012, tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã mở phiên tòa xét xử công khai tuyên phạt Lê Văn Thắng 20 năm tù về tội giết người theo điểm n khoản 1 điều 93 BLHS 1999 [38].

Nguyên nhân xảy ra tình trạng định tội danh khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng nêu trên là do cách hiểu khác nhau về tình tiết “ có tính chất côn đồ” giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong khi chưa có hướng dẫn cụ thể.

2.1.2.4. Thực tiễn định tội danh tội giết người trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong những trường hợp đặc biệt

- *Định tội danh trong trường hợp đồng phạm*

Pháp luật hình sự nước ta có quy định trách nhiệm hình sự không chỉ đối với tội phạm do một người thực hiện mà còn đối với tội phạm do nhiều người thực hiện. Trước đây chế định đồng phạm được quy định tại Điều 20 BLHS năm 1999. So với BLHS 1999 thì chế định đồng phạm quy định tại Điều 17 BLHS năm 2015 quy định cụ thể hơn về trách nhiệm hình sự của người đồng phạm trong trường hợp người thực hành có hành vi vượt quá.

Từ năm 2011-2015, việc định tội danh trong trường hợp đồng phạm với tội giết người trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh về cơ bản đảm bảo chính xác các quy định của pháp luật.

- *Định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội.*

Khi người phạm tội thực hiện không phải một tội phạm mà thực hiện nhiều tội phạm thì việc định tội danh đối với các hành vi đó có một số đặc điểm và thường gặp một số khó khăn nhất định. Trường hợp này người phạm tội thực hiện một số tội phạm xâm phạm đến nhiều khách thể được luật hình sự bảo vệ gây ra những thiệt hại lớn về vật chất, thể chất, tinh thần. Pháp luật hình sự nước ta không đưa ra định nghĩa về phạm nhiều tội mà chỉ quy định nguyên tắc của việc quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội (Điều 50 BLHS năm 1999).

Vụ án Đinh Văn Mạnh là một ví dụ:

Do mâu thuẫn với anh Đỗ Xuân Kiên về vấn đề tiền bạc, 2 bên lời qua tiếng lại, anh Mạnh đã chạy về nhà lấy khẩu súng K54 (anh đã cất giữ nhiều năm) bắn 01 phát vào vùng đầu của anh Kiên khiến anh Kiên tử vong. Vụ án xảy ra có nhiều quan điểm được đưa ra và một trong số đó cho rằng anh Mạnh chỉ phạm tội giết người, hành vi cất giữ súng bắn anh Kiên chỉ đơn giản là hành vi dùng vũ khí để giết người không nên xử lý về tội tàng trữ sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Quan điểm khác cho rằng việc anh Mạnh cất giữ súng nhiều năm đã cấu thành tội độc lập, do đó phải xử lý Mạnh về 2 tội là giết người và tàng trữ sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

Ngày 27/12/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã đưa vụ án ra xét xử tuyên phạt anh Đinh Văn Mạnh 17 năm tù về tội giết người, 5 năm tù về tội tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng [38].

Có thể thấy, định tội danh là một giai đoạn cơ bản của việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự. Định tội danh đúng sẽ là tiền đề cho việc xác định đúng hình phạt, khung hình phạt và quyết định hình phạt chính xác từ đó đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội.

Định tội danh đúng thể hiện rõ nhất hiệu quả hoạt động thực tiễn của việc áp dụng pháp luật, thể hiện rõ ý thức trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp của cơ quan tiến hành tố tụng, ý thức tuân thủ triệt để pháp luật, từ đó nâng cao uy tín, chất lượng hoạt động của các cơ quan này, góp phần củng cố và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2.2. Quyết định hình phạt đối với tội giết người

2.2.1. Cách tiếp cận để nhận diện thực tiễn quyết định hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam.

2.2.1.1. Quyết định hình phạt và các đặc điểm của quyết định hình phạt

Quyết định hình phạt là hoạt động mang tính chính trị - pháp lý nhân văn, thể hiện quyền lực nhà nước, thể hiện sự lên án đánh giá của xã hội đối với tội phạm, nó là một hoạt động thực tiễn mang tính quyền lực nhà nước. Quyết định hình phạt không chỉ là cơ sở, tiền đề cho việc đạt được mục đích của hình phạt mà nó còn là yếu tố quan trọng hàng đầu để nâng cao hiệu quả của hình phạt.

Quyết định hình phạt là một trong những giai đoạn quan trọng, là một trong những nội dung cơ bản của quá trình áp dụng pháp luật hình sự và chỉ có Tòa án mới có quyền quyết định hình phạt.

Quyết định hình phạt là một dạng hoạt động áp dụng pháp luật hình sự do Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân tiến hành đối với người thực hiện tội phạm theo một trình tự nhất định. Ngoài ra nó còn là một dạng hoạt động pháp lý tố tụng hình sự, bởi vì để quyết định hình phạt, Tòa án phải dựa vào kết quả của

các giai đoạn tố tụng hình sự khác như kết quả hoạt động điều tra, truy tố và kết quả hoạt động của mình ở giai đoạn xét xử để tuyên một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung của quyết định hình phạt thể hiện ở hai điểm sau:

Thứ nhất, Tòa án lựa chọn một trong những hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (khoản điều luật) được áp dụng để quyết định đối với bị cáo.

Thứ hai, xác định một mức hình phạt cụ thể đối với bị cáo.

Hai nội dung đó được tiến hành theo trình tự và được thực hiện khi áp dụng cả hình phạt chính lẫn hình phạt bổ sung. Loại mà mức hình phạt được áp dụng đối với bị cáo phải được thể hiện trong bản bản buộc tội theo quy định của BLTTHS và được công bố một cách công khai khi tuyên án [45, tr.385].

Hình phạt là do tòa án quyết định tùy thuộc vào các tình tiết cụ thể của vụ án, phải đảm bảo được sự tương xứng của hình phạt được tuyên với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện với các đặc điểm của nhân thân người phạm tội, với các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm với dư luận xã hội, với ý thức pháp luật.

Từ những phân tích trên tác giả cho rằng: *Quyết định hình phạt là hoạt động nhận thức và áp dụng pháp luật hình sự, do Tòa án có thẩm quyền (Hội đồng xét xử), nhân danh Nhà nước CHXHCN Việt Nam thực hiện sau khi đã định tội danh và tùy thuộc vào từng trường hợp để quyết định khung hình phạt, loại hình phạt (hình phạt chính, hình phạt bổ sung), mức hình phạt cụ thể áp dụng cho chính cá nhân người phạm tội trong phạm vi giới hạn của khung hình phạt do luật định, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hoặc miễn hình phạt cho người phạm tội theo quy định của BLHS.*

Qua nghiên cứu, tác giả cho rằng: *Quyết định hình phạt đối với tội giết người là việc Tòa án căn cứ vào các tình tiết của vụ án nhằm lựa chọn loại hình phạt cụ thể, bao gồm hình phạt chính và có thể cả hình phạt bổ sung, với mức độ cụ thể trong phạm vi BLHS quy định để áp dụng đối với người phạm tội giết người.*

2.2.1.2. Nguyên tắc quyết định hình phạt

Các nguyên tắc quyết định hình phạt bao gồm: Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc cá thể hoá hình phạt và nguyên tắc công bằng.

- Nguyên tắc pháp chế XHCN

Nội dung của nguyên tắc này được thể hiện trước hết ở việc Toà án chỉ có thể quyết định một hình phạt đối với người phạm tội. Một nội dung khác của nguyên tắc này là khi quyết định hình phạt, Toà án phải tuân theo trình tự, các điều kiện áp dụng của từng loại hình phạt cụ thể và đặc biệt Toà án chỉ có thể tuyên những hình phạt được quy định trong BLHS. Tư tưởng cơ bản của nguyên tắc này là khi áp dụng hình phạt đối với người bị kết án thì Toà án phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng.

- Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa

Khi quyết định hình phạt, Toà án phải cân nhắc, đánh giá một cách hài hoà, hợp lý trong một thể thống nhất lợi ích của xã hội của Nhà nước và của người phạm tội. Theo đó, Toà án phải xuất phát từ tư tưởng nhân đạo để áp dụng và tuân thủ triệt để các quy định của luật hình sự về việc áp dụng hình phạt đối với người phạm tội không nhằm mục đích gây đau đớn về thể xác và hạ thấp nhân phẩm con người mà ngược lại bên cạnh mục đích chính trị thì mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội luôn là mục đích cao nhất mà chúng ta hướng tới.

- Nguyên tắc cá thể hoá hình phạt

Nội dung của nguyên tắc này thể hiện ở chỗ khi quyết định hình phạt, Toà án phải cân nhắc đầy đủ các căn cứ quyết định hình phạt để từ đó làm cơ sở cho Toà án quyết định hình phạt đúng đắn với người phạm tội.

- Nguyên tắc công bằng

Nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt được tuyên cần phản ánh một cách đúng đắn dư luận xã hội, ý thức pháp luật và đạo đức xã hội, phải có sức thuyết phục mọi người. Trong lĩnh vực hình sự, nguyên tắc công bằng

còn thể hiện là sự tương xứng giữa tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và TNHS của người thực hiện hành vi phạm tội phải chịu.

2.2.1.3. Căn cứ quyết định hình phạt

Để đảm bảo chất lượng, hiệu quả của hoạt động quyết định hình phạt, Điều 45 BLHS năm 1999 quy định các căn cứ quyết định hình phạt mà Tòa án bắt buộc phải dựa vào khi quyết định hình phạt là:

- *Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự.*

Quy định của BLHS là cơ sở pháp lý quan trọng nhất để Tòa án định tội danh và xác định khung hình phạt, yêu cầu đầu tiên của việc lựa chọn đúng loại và mức hình phạt cụ thể. Việc quy định căn cứ “quy định của bộ luật hình sự” nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng pháp luật khi áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào quyết định hình phạt. Nếu không dựa vào quy định của BLHS sẽ dẫn đến việc tùy tiện hoặc lạm dụng các quy phạm pháp luật hình sự khi quyết định hình phạt, đồng thời hình phạt được quyết định cũng khó có thể tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Chính vì vậy, Điều 45 BLHS năm 1999 đã buộc Hội đồng xét xử phải “căn cứ” vào quy định của BLHS gồm có cả phần chung và Điều 93 BLHS có liên quan đến tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Vì vậy, chỉ quyết định hình phạt khi có đủ căn cứ xác định một người đã phạm vào một tội mà Bộ luật hình sự quy định, tức là phải định tội trước rồi mới quyết định hình phạt sau.

- *Cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.*

Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm đã cho thấy các trường hợp phạm tội diễn ra hết sức đa dạng, phức tạp và không bao giờ giống nhau một cách tuyệt đối, kể cả các trường hợp cùng phạm một tội cụ thể cũng luôn khác nhau về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội. Do đó, để quyết định hình phạt đối với mỗi hành vi phạm tội cụ thể, luật bắt buộc Hội đồng xét xử phải căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Đây là yêu cầu có tính chất quyết định đến khả năng đạt được các mục đích của hình

phạt. Việc quy định căn cứ này sẽ giúp cho Hội đồng xét xử có cơ sở vững chắc và điều kiện để lựa chọn và quyết định hình phạt với mức độ cụ thể tương xứng với hành vi phạm tội, đáp ứng được yêu cầu của nguyên tắc cá thể hoá hình phạt trong quyết định hình phạt. Có như vậy mới đảm bảo được sự bình đẳng, thống nhất, chính xác khi quyết định hình phạt đối với các trường hợp phạm tội khác nhau về cùng một tội hay trong cùng một khung hình phạt.

Quyết định hình phạt là lựa chọn loại hình phạt cụ thể với mức độ nhất định trong phạm vi khung hình phạt của điều luật về tội phạm đã quy định. Việc nhà làm luật xây dựng các khung hình phạt khác nhau trong một điều luật về tội phạm chính là sự phản ánh tương quan với tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Còn các mức độ khác nhau của hình phạt trong giới hạn từ tối thiểu đến tối đa của mỗi khung hình phạt lại phản ánh sự tương quan với các mức độ nguy hiểm khác nhau cho xã hội của hành vi phạm tội. Như vậy, tính chất nguy hiểm cho xã hội là cơ sở để xác định khung hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội. Tác giả cho rằng khi quyết định hình phạt nếu lại căn cứ vào tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội là chưa khoa học và thiếu công bằng vì một tình tiết đã được sử dụng làm yếu tố định khung hình phạt thì không thể được sử dụng một lần nữa khi quyết định hình phạt. Điều đó không những vi phạm các nguyên tắc của Luật hình sự mà quan trọng hơn còn làm xấu đi tình trạng pháp lý của bị cáo.

- *Cân nhắc nhân thân người phạm tội*

Nhân thân người phạm tội là một phạm trù lịch sử, bao gồm tổng hợp các đặc điểm về xã hội, tâm lý, đạo đức, sinh học, nói lên tính chất của con người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị quy định trong BLHS là tội phạm. Các đặc điểm này có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết vấn đề TNHS của người phạm tội một cách công minh, có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, nghiên cứu về nhân thân người phạm tội sẽ cho chúng ta biết được những đặc điểm tốt, những đặc điểm xấu, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình hình thành nhân

cách của người phạm tội để qua đó góp phần đánh giá chính xác tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như khả năng giáo dục, cải tạo họ. Đây là ưu điểm của căn cứ thứ ba này so với căn cứ thứ nhất và căn cứ thứ hai vì trên cơ sở hai căn cứ đầu tiên, việc cân nhắc nhân thân người phạm tội sẽ giúp cho Hội đồng xét xử không chỉ quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà hình phạt đó còn phù hợp với khả năng giáo dục, cải tạo của người phạm tội. Chỉ có như vậy mới giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS của người phạm tội, đảm bảo cho việc cá thể hoá hình phạt một cách chính xác nhằm đạt được tốt nhất các mục đích của hình phạt. Tuy nhiên, việc cân nhắc nhân thân người phạm tội khi quyết định hình phạt phải quán triệt các yêu cầu mang tính nguyên tắc sau:

Thứ nhất: Các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội theo quy định của BLHS là tình tiết định tội, tình tiết định khung hình phạt hoặc đã được xác định là tình tiết giảm nhẹ hay tình tiết tăng nặng TNHS thì không được sử dụng một lần nữa để cân nhắc nhân thân người phạm tội khi quyết định hình phạt.

Thứ hai: Chỉ những đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội có liên quan trực tiếp đến tội phạm được thực hiện mà việc cân nhắc chúng nhằm giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS của người phạm tội và tạo khả năng cao nhất để có thể đạt được mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội mới được xem xét khi quyết định hình phạt.

Thứ ba: Trong mối quan hệ với căn cứ thứ hai, nhân thân người phạm tội chỉ là căn cứ giữ vị trí hỗ trợ, bổ sung để hình phạt được tuyên không những đúng pháp luật mà còn phù hợp với thực tiễn, đảm bảo đạt được các mục đích của hình phạt.

Thứ tư: Cần phân định rõ các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội với các dấu hiệu chủ thể của tội phạm.

- *Cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự*

Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS với tính chất là một căn cứ quyết định hình phạt là những tình tiết được quy định trong Phần chung của BLHS, có giá trị làm giảm hoặc tăng mức độ TNHS của người phạm tội trong phạm vi một khung hình phạt để tạo tiền đề cho việc cá thể hoá hình phạt đối với người phạm tội được chính xác. Vì vậy, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS có ý nghĩa pháp lý hết sức quan trọng trong quyết định hình phạt nhằm đảm bảo cho hình phạt được tuyên một cách công bằng, thể hiện sự tương xứng giữa mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội với mức độ TNHS được áp dụng. Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS là những biểu hiện có tính đặc thù của từng trường hợp phạm tội cụ thể nên mức độ ảnh hưởng của các tình tiết này đến việc quyết định hình phạt phải tùy thuộc vào từng vụ án hình sự cụ thể. Mức độ giảm nhẹ, tăng nặng TNHS của mỗi tình tiết không được nhà làm luật quy định trước trong luật mà thuộc quyền tùy nghi cân nhắc của Hội đồng xét xử. Vì vậy, khi cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS, cần phải quán triệt các yêu cầu có tính nguyên tắc sau:

- Trong mỗi vụ án hình sự, trước tiên cần xác định tình tiết là yếu tố định tội, tình tiết là yếu tố định khung hình phạt trước rồi mới xác định tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Những tình tiết đã là yếu tố định tội, định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS hoặc tình tiết tăng nặng TNHS.

- Trong mỗi vụ án hình sự thường có cả tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng TNHS với những giá trị pháp lý không giống nhau. Điều đó đòi hỏi Hội đồng xét xử phải trên cơ sở đánh giá toàn diện các tình tiết trong mối liên hệ thống nhất của toàn bộ vụ án để xác định giá trị pháp lý, ý nghĩa của từng tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS làm căn cứ quyết định mức hình phạt tương xứng trong phạm vi khung hình phạt.

- Ngoài những tình tiết giảm nhẹ TNHS chung được quy định tại khoản 1 Điều 46, Hội đồng xét xử có quyền coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ,

nhưng phải ghi rõ trong bản án. Ngược lại, ngoài những tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại khoản 1 điều 48, Hội đồng xét xử không được coi bất kỳ tình tiết nào khác là tình tiết tăng nặng TNHS cho bị cáo.

- Khi bị cáo có từ hai tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 46, Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Ngược lại, dù bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 48 thì Tòa án cũng không được quyết định hình phạt vượt quá giới hạn mức tối đa của khung hình phạt

2.2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Thực tiễn quyết định hình phạt tại tỉnh Quảng Ninh được thể hiện qua kết quả xét xử các vụ án về tội giết người được thể hiện như sau:

Bảng 2.5: Những hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo phạm tội giết người giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Năm	Tổng số bị cáo	Tù 3 năm trở xuống	Tù 3 năm đến 7 năm	Trên 7 năm đến 15 năm	Trên 15 năm đến 20 năm	Tù chung thân	Tử hình
2011	38 bị cáo	9 bị cáo	15 bị cáo	9 bị cáo	3 bị cáo		2 bị cáo
2012	28 bị cáo	2 bị cáo	14 bị cáo	10 bị cáo	2 bị cáo		
2013	23 bị cáo	3 bị cáo	10 bị cáo	5 bị cáo	4 bị cáo		1 bị cáo
2014	24 bị cáo		6 bị cáo	10 bị cáo	8 bị cáo		
2015	26 bị cáo	1 bị cáo	12 bị cáo	7 bị cáo	5 bị cáo		1 bị cáo
Tổng	139 bị cáo	15 bị cáo	57 bị cáo	41 bị cáo	22 bị cáo		4 bị cáo

Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Trong thời gian từ 2011-2015, tổng số bị cáo phạm tội giết người là 139 bị cáo, trong đó phạt tù từ 3 năm trở xuống là 15 bị cáo, phạt tù từ 3-7 năm là 57

bị cáo, trên 7 năm đến 15 năm là 41 bị cáo, trên 15 năm – 20 năm là 22 bị cáo, không có trường hợp nào xử chung thân, 04 bị cáo bị xử phạt mức án nặng nhất là tử hình.

- *Thực tiễn quyết định hình phạt theo cấu thành cơ bản*

Thực tiễn công tác xét xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm 2011-2015 trong thời gian qua cho thấy nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng sức khỏe trong đó có tội phạm giết người ngày một nhiều lên, gây không ít khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Trước tình hình đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh với sự nỗ lực phấn đấu, quyết tâm đưa vụ án ra xét xử kịp thời, nghiêm trị các hành vi phạm tội, không có trường hợp nào xét xử oan sai.

Dưới đây là một ví dụ minh chứng:

Vào hồi 17h ngày 21/5/2014, Trần Viết Tùng đã có hành vi dùng chân tay đâm đá vào người anh Nguyễn Anh Tú làm anh Tú bị ngã xuống đất. Chưa dừng lại ở đó, anh Tùng tiếp tục túm tóc đập mạnh đầu anh Tú xuống nền đất khiến anh ngất đi. Khi được người nhà đưa đi cấp cứu thì anh Tú đã tử vong.

Ngày 19/10/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh áp dụng khoản 2, điều 93, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS tuyên phạt bị cáo 8 năm 6 tháng tù về tội Giết người [38].

- *Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội giết người theo cấu thành tăng nặng.*

Do kỹ thuật lập pháp truyền thống nên cấu thành tăng nặng của tội giết người nằm ở khoản 1 của điều luật, ngược lại với các điều luật quy định về tội phạm khác. Hình phạt đối với cấu thành tăng nặng của tội giết người được quy định từ 12 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình. Với 16 tình tiết định khung tăng nặng quy định từ điểm a đến điểm q khoản 1 điều 93 BLHS.

Ví dụ vụ án của Mai Văn Tuấn phạm tội giết người

Khoảng 19h ngày 6/3/2015, nghi ngờ em trai mình là Mai Văn Khang ăn trộm tiền, mặc dù truy hỏi nhưng Khang không nhận, 2 anh em liền xảy ra xô

xát. Anh Tuấn đã dùng dao gấp lưỡi bằng kim loại sắc nhọn đâm 4 nhát vào cổ, ngực và sườn Khang. Hậu quả là Khang chết trên đường đi cấp cứu.

Ngày 4/8/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử công khai. Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 93 tuyên phạt Mai Văn Tuấn 19 năm tù. Với tình tiết định khung tăng nặng “có tính chất côn đồ” [38].

- *Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội giết người trong trường hợp đặc biệt*

- *Trong trường hợp đồng phạm*

Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm cho thấy có sự đánh giá khác nhau về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Tuy nhiên, có một số trường hợp thể hiện sự không thống nhất giữa đề nghị của VKS và quyết định hình phạt của Tòa án.

Ví dụ như vụ án của Lương Văn Trường cùng đồng bọn phạm tội giết người là một ví dụ:

Ngày 2/4/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đưa Lương Văn Trường cùng đồng bọn ra xét xử về tội Giết người theo điểm n khoản 1 điều 93 BLHS. Tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị áp dụng điểm n khoản 1 điều 93, điểm b,p khoản 1 điều 46 tuyên phạt Lương Văn Trường 15-16 năm tù, Cao Văn Việt 12-13 năm tù, Vũ Thế Hiển 11-12 năm tù. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh tuyên án lại có sự chênh lệch so với đề nghị của VKS đó là Lương Văn Trường 15 năm tù, Cao Văn Việt 12 năm và Vũ Thế Hiển 8 năm.

- *Trong trường hợp phạm nhiều tội* nhận định vai trò khác nhau dẫn đến quyết định hình phạt khác nhau giữa đề nghị của VKS và Tòa án.

Nguyên nhân của sự chênh lệch này là do đánh giá khác nhau về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi tội phạm, bên cạnh đó là quy định chênh lệch quá nhiều giữa mức cao nhất và thấp nhất của khung hình phạt tạo điều kiện tùy nghi của người áp dụng pháp luật.

Kết luận chương 2

Từ những nghiên cứu trên có thể thấy rằng, vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt về tội giết người có ý nghĩa hết sức to lớn cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Để có được những quyết định chính xác và đúng pháp luật khi tiến hành định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người đòi hỏi người áp dụng pháp luật phải nhận thức đúng đắn về mặt lý luận của việc định tội danh và quyết định hình phạt. Thực tiễn trong những năm qua hoạt động xét xử các vụ án về xâm phạm tính mạng, sức khỏe nói chung và tội giết người nói riêng của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã đạt nhiều thành quả đáng khích lệ, góp phần quan trọng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, khi xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh vẫn còn bộc lộ những sai sót, hạn chế khi quyết định hình phạt. Chính vì vậy, cần phải kịp thời khắc phục những sai sót, hạn chế đó nhằm giải quyết các vụ án một cách có hiệu quả cao nhất đáp ứng được những yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và các tội phạm giết người nói riêng

Chương 3

CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI

3.1. Yêu cầu định tội danh và quyết định hình phạt đúng đối với tội giết người

Để đưa một vụ án ra xét xử nghiêm minh đối với người phạm tội, trong đó vấn đề định tội danh là vô cùng quan trọng, có tính quyết định tới khung hình phạt. Định tội danh là cơ sở cần thiết đầu tiên cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Trên cơ sở xác định người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội gì, quy định tại điều, khoản nào của bộ luật Hình sự (BLHS), người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng sẽ quyết định một hình phạt phù hợp đối với hành vi phạm tội đó.

Định tội danh tội giết người là sự thể hiện việc đánh giá chính trị - xã hội và pháp lý đối với hành vi giết người. Định tội danh đúng là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt một cách công minh có căn cứ pháp luật. Định tội danh đúng sẽ hỗ trợ cho việc thực hiện một loạt các nguyên tắc tiến bộ được thừa nhận trong Nhà nước pháp quyền như: nguyên tắc pháp chế, trách nhiệm do lỗi, trách nhiệm cá nhân, bình đẳng trước pháp luật hình sự, nguyên tắc công minh nhân đạo và nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm.

Định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người chính xác đòi hỏi phải có việc viện dẫn đến các điểm, khoản quy định tại điều 93 BLHS.

Trong trường hợp phạm tội do đồng phạm, phạm tội chưa đạt, chuẩn bị phạm tội, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và tuổi chịu TNHS ... thì ngoài việc viện dẫn điểm, điều khoản tại điều 93 còn phải viện dẫn cả các điều luật tương ứng ở phần chung của BLHS.

Hiện nay, BLHS năm 2015 đã được ban hành tuy chưa có hiệu lực nhưng vẫn đặt ra yêu cầu phải nắm vững các quy định của phần chung cũng như Điều 123

phần các tội phạm để định tội danh và quyết định hình phạt. Phải đảm bảo nguyên tắc công bằng tức là việc định tội danh và quyết định hình phạt phải đầy đủ những hành vi đã được thực hiện. Người phạm tội giết người thực hiện bao nhiêu hành vi thì phải bị xử lý về bấy nhiêu tình tiết được quy định trong luật hình sự (cấu thành cơ bản hoặc thực hiện nhiều tình tiết thuộc cấu thành tăng nặng quy định từ điểm a đến q của Điều 93 BLHS). Hoặc thực hiện cả hành vi nguy hiểm cho xã hội do điều luật khác của BLHS quy định thì cũng phải bị xử lý thêm về tội danh tương ứng. Việc này để tránh áp dụng nguyên tắc thu hút hành vi phạm tội này vào hành vi phạm tội khác khi định tội danh. Việc định tội danh đầy đủ có ý nghĩa rất lớn trong việc giải quyết các vấn đề về tố tụng hình sự như thẩm quyền điều tra, thời hạn điều tra, xét xử ...

Thực tiễn nguyên tắc công bằng ở đây còn thể hiện việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội giết người mà hành vi phạm tội thuộc điểm, điều, khoản tương đương nhau, có cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và tương đồng về đặc điểm nhân thân thì đòi hỏi phải được quyết định hình phạt như nhau. Không vì các vấn đề như chức vụ, quyền hạn, các mối quan hệ mà lợi dụng khoảng cách giữa mức cao nhất và thấp nhất của khung hình phạt từ 7 năm đến 15 năm, hay từ 12 năm đến 20 năm, chung thân, tử hình để quyết định các mức hình phạt khác nhau đối với những trường hợp trên.

3.2. Các giải pháp bảo đảm định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự

Dưới góc độ chính trị - xã hội: Sự hoàn thiện về pháp luật hình sự đối với tội phạm giết người là góp phần cụ thể hóa chính sách hình sự của Nhà nước đối với việc bảo vệ trật tự, an toàn xã hội. Là cơ sở để kiên quyết xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật tất cả các hành vi xâm hại đến tính mạng của người khác. Đảm bảo tính chất của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Dưới góc độ lập pháp hình sự: Hoàn thiện về pháp luật hình sự đối với tội phạm giết người là một đòi hỏi tất yếu khách quan của quy trình lập pháp hình sự. Nó đảm bảo cho chất lượng của pháp luật khi điều chỉnh vấn đề này phù hợp với thực tiễn, là cơ sở vững chắc cho các hoạt động tố tụng nói chung.

Dưới góc độ lý luận - thực tiễn: Đối với góc độ lý luận, việc hoàn thiện pháp luật hình sự đối với tội giết người là yếu tố quan trọng giải quyết các mâu thuẫn hiện thời về mặt lý luận đối với các vấn đề như định tội danh, khung hình phạt... của tội giết người. Đối với góc độ thực tiễn, hoàn thiện pháp luật hình sự đối với tội phạm giết người nói riêng và pháp luật hình sự nói chung có ý nghĩa hết sức quan trọng trong bối cảnh sự tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường đã khiến cho tình hình tội phạm gia tăng cả về quy mô lẫn tính chất.

Bởi vậy mà việc hoàn thiện pháp luật có một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Trong dự thảo sửa đổi bổ sung BLHS năm 2015, có đề cập đến sửa đổi bổ sung điều luật quy định về Tội giết người giúp hoàn thiện pháp luật hình sự như sau:

- *Điều 123. Tội Giết người:* Vì cả điểm a khoản 2 và điểm đ khoản 3 đều quy định về trường hợp phạm tội “Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân”, do vậy đề nghị sửa lại chỉ quy định trường hợp này trong điểm đ khoản 3, không quy định trường hợp này trong khoản 2.

- *Điều 126. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng:* Đề nghị sửa tên điều luật này theo hướng “làm chết người” thay cho “giết người” bởi lẽ theo Điều 22 thì phòng vệ chính đáng là “chống trả 1 cách cần thiết”, có thể hiểu cần thiết ở đây không bao hàm là việc cố ý “giết” người đang có hành vi xâm hại. Do vậy, nếu người phòng vệ có ý tước đoạt tính mạng của người đang có hành vi xâm hại thì phải xử lý về tội “giết người” hoặc “giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”, còn nếu không có ý thức tước đoạt tính mạng của người đang có hành vi xâm hại nhưng dẫn đến chết người thì xử lý theo điều này. Tính chất nguy hiểm của tội này cũng nhẹ hơn tội “giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”.

Bên cạnh việc sửa đổi bổ sung điều luật thì dự thảo còn đề cập đến việc sửa đổi bổ sung hình phạt, cụ thể là bổ sung thêm khung hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội giết người, mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Đây được coi là sự tiến bộ trong quá trình lập pháp hình phạt, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội giết người.

Về hình phạt bổ sung thì dự thảo bỏ hình phạt “ cấm đảm nhiệm chức vụ” thể hiện sự kế thừa và phát triển về hình phạt bổ sung đối với tội giết người của BLHS năm 2015.

3.2.2. Hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự

Thông qua thực tiễn áp dụng pháp luật về tội giết người trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh và việc nghiên cứu quy định về tội giết người theo điều 93 BLHS hiện hành, điều 123 BLHS 2015 thấy còn nhiều quy định chưa cụ thể nhưng hiện không có văn bản hướng dẫn nên nhiều cách hiểu khác nhau trong hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người dẫn đến quan điểm định tội danh và quyết định hình phạt giữa các cơ quan tố tụng có sự khác nhau trong hoạt động áp dụng pháp luật. Vì thế, tác giả mạnh dạn kiến nghị các cơ quan liên ngành tố tụng trung ương, hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao sớm có các văn bản hướng dẫn về các dấu hiệu pháp lý để phân biệt tội giết người với các tội giáp ranh khác như giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, cố ý gây thương tích cho người khác gây hậu quả chết người...cụ thể:

- Đưa ra định nghĩa về tội giết người: Để xác định một hành vi có cấu thành tội giết người hay không trước hết phải dựa vào định nghĩa tội giết người. Đây là cơ sở để phân biệt tội giết người với các trường hợp không phải là tội phạm hoặc tội phạm giáp ranh.

- Đề nghị liên ngành tố tụng trung ương sớm ban hành văn bản hướng dẫn có tính khái quát để phân biệt tội giết người với tội cố ý gây thương tích dẫn đến

chết người theo hướng: Nếu lỗi của người phạm tội đối với hậu quả chết người là lỗi cố ý thì định tội giết người. Ngược lại là lỗi vô ý thì định tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người. Muốn xác định lỗi thì phải làm sáng tỏ hai vấn đề : người phạm tội có thấy trước hậu quả chết người hay không? Nếu thấy trước thì họ mong muốn, chấp nhận hay loại trừ khả năng hậu quả xảy ra? Nếu vấn đề thứ nhất được xác định là không thì có thể loại trừ ngay khả năng lỗi cố ý giết người và ngược lại.

- Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/6/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tuy đã có hướng dẫn về một số tình tiết như giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và một số tình tiết định khung tăng nặng của tội giết người như “ giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng”, tình tiết “có tính chất côn đồ”, “để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác” nhưng do hướng dẫn vẫn chưa cụ thể nên trong quá trình vận dụng vẫn có nhiều cách hiểu khác nhau như đã phân tích ở trên. Vậy nên cần có hướng dẫn cụ thể hơn về các tình tiết này.

3.2.3. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội giết người nhìn chung là đúng người đúng tội, đúng pháp luật, không xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm, đảm bảo các lợi ích hợp pháp của người phạm tội khi tham gia tố tụng. Tuy nhiên, bên cạnh đó trong công tác xét xử vẫn còn vẫn còn nhiều vấn đề cần phải sửa đổi để rút kinh nghiệm từ đó có những hướng dẫn cụ thể trong việc giải quyết các vụ án cụ thể. Đồng thời thông qua việc tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật nhằm phát hiện kịp thời những thiếu sót, hạn chế và vướng mắc của các quy định của pháp luật trong quá trình áp dụng trong thực tiễn để từ đó có những đề xuất, kiến nghị kịp thời để sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn các quy định của pháp luật chính xác, phù hợp hơn và đạt kết quả điều chỉnh cao hơn nhằm tạo căn cứ pháp lý vững chắc cho việc giải quyết các vụ án được chính xác và có tính thuyết phục cao hơn.

3.2.4. Nâng cao năng lực cán bộ áp dụng pháp luật hình sự

- *Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ, nâng cao ý thức chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ năng lực chuyên môn của thẩm phán.*

Để bảo đảm chất lượng của hoạt động ADPL hình sự của Tòa án, việc đổi mới công tác tổ chức cán bộ có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bởi suy cho cùng công tác cán bộ là yếu tố con người - chủ thể trực tiếp ADPL.

Chủ thể chủ yếu và trực tiếp ADPL hình sự của TAND là Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử sơ thẩm là 01 thẩm phán và 02 hội thẩm hoặc 02 thẩm phán và 03 hội thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm là 03 thẩm phán. Dù là xử sơ thẩm hay phúc thẩm thì thẩm phán đều là chủ tọa phiên tòa, trực tiếp xét xử và điều hành phiên tòa, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng ADPL hình sự của Tòa án.

Trình độ năng lực của thẩm phán là yếu tố trực tiếp quyết định đến chất lượng ADPL hình sự của Tòa án. Vì vậy cần phải tập trung xây dựng đội ngũ thẩm phán xét xử án hình sự có chuyên môn hóa cao, là những chuyên gia giỏi cả về lý luận và thực tiễn (có thể chuyên môn hóa theo nhóm tội danh của BLHS). Quá trình tuyển chọn này phải được sàng lọc và chứng minh từ thực tế xét xử, từ chất lượng các bản án hình sự đã xét xử, được sự đánh giá cao của đồng nghiệp, cấp trên và kể cả cơ quan tố tụng khác, luật sư, hội thẩm..., kịp thời phát hiện những công chức, thẩm phán có năng khiếu, năng lực sở trường về xét xử án hình sự để giúp đỡ, bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu họ xét xử án hình sự. Tổ chức phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời đối với những vụ án bị hủy, cải sửa lớn do lỗi chủ quan của Hội đồng xét xử. Tìm ra nguyên nhân dẫn đến bị hủy án để không vướng phải những lỗi ấy ở các vụ án tiếp theo. Nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ thẩm phán. Có chính sách khuyến khích thẩm phán tích cực học tập để nâng cao trình độ của mình, đáp ứng với nhiệm vụ được giao. Kịp thời cập nhật các văn bản pháp luật chuyên ngành, văn bản pháp luật liên quan lên website của ngành để

thẩm phán, công chức thuận lợi tra cứu, cập nhật văn bản mới. Thường xuyên tổ chức tập huấn, hội thảo các chuyên đề về luật hình sự, luật tố tụng hình sự, kỹ năng nghiệp vụ xét xử án hình sự. Tổ chức các phiên tòa mẫu, yêu cầu các thẩm phán khác dự và đóng góp ý kiến.

Sớm hoàn thiện các quy định về tuyển chọn, bổ nhiệm thẩm phán. Ngoài tiêu chuẩn theo quy định hiện hành cần phải kết hợp với đánh giá hiệu quả công tác, năng lực thực tiễn. Trước khi bổ nhiệm hoặc tái nhiệm cần tổ chức thi tuyển nghiệp vụ xét xử hoặc 05 năm 01 lần tổ chức thi sát hạch với toàn thể đội ngũ thẩm phán để sàng lọc những thẩm phán trình độ chuyên môn nghiệp vụ kém. Việc thi tuyển hoặc thi sát hạch phải hết sức khách quan, công bằng, thông qua việc xử lý các tình huống cụ thể mà quá trình xét xử đòi hỏi người thẩm phán phải giải quyết.

Việc tạo nguồn thẩm phán nên nghiên cứu theo hướng mở, không chỉ là thư ký, công chức Tòa án. TANDTC nên tổ chức thi tuyển đào tạo chức danh thẩm phán đối với những người có bằng tốt nghiệp Đại học luật trở lên, có nguyện vọng làm thẩm phán. Sau thời gian đào tạo xét xử chuyên sâu một lĩnh vực, sát hạch nghiêm túc, khách quan, công bằng (công khai các bài thi của người trúng tuyển lên mạng internet để nhiều chủ thể có thể giám sát). Nếu họ vượt qua được thì tuyển dụng họ vào làm thư ký Tòa án các cấp và là nguồn bổ nhiệm thẩm phán. Điều này sẽ nâng cao chất lượng nguồn bổ nhiệm thẩm phán, tạo điều kiện cho những người có năng lực và tâm huyết với nghề thẩm phán có cơ hội được làm thẩm phán, mặt khác giảm được gánh nặng ngân sách của nhà nước cho việc đào tạo nghiệp vụ xét xử cũng như những tiêu cực trong việc xét duyệt cử đi học lớp nghiệp vụ xét xử.

Đãi ngộ thỏa đáng và sử dụng hợp lý đội ngũ thẩm phán. Lao động của thẩm phán là lao động đặc thù, chịu nhiều áp lực, đòi hỏi phải có trí tuệ, bản lĩnh, chuyên môn nghiệp vụ cao. Cần phải có mức lương tương xứng với lao động đặc thù của thẩm phán. Chỉ khi mức lương của thẩm phán đáp ứng được

nhu cầu cuộc sống của bản thân và gia đình thì họ mới yên tâm công tác, đầu tư thời gian nghiên cứu pháp luật, nghiên cứu hồ sơ vụ án, hạn chế bị ảnh hưởng bởi các yếu tố tiêu cực, vô tư, khách quan trong việc ADPL.

Thực hiện chế độ khen thưởng bằng vật chất tương xứng với hiệu quả công tác, chất lượng, số lượng các vụ án đã xét xử hàng năm. Xây dựng các danh hiệu, như thẩm phán nhân dân, thẩm phán ưu tú... để xã hội tôn vinh những thẩm phán mẫu mực.

Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ và năng lực thực tế của từng thẩm phán. Việc sắp xếp, bố trí, phân công nhiệm vụ đối với thẩm phán phải căn cứ vào trình độ chuyên môn, kinh nghiệm xét xử, sở trường công tác của mỗi thẩm phán. Đồng thời có cơ chế tạo áp lực để thẩm phán phải luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thay thế những thẩm phán không đáp ứng được yêu cầu như: Xử oan người vô tội, xử sai tội danh, bỏ lọt tội phạm... Kỷ luật nghiêm những thẩm phán thiếu tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân, dọa nạt, vòi vĩnh, đòi hỏi lộ...

Việc luân chuyển thẩm phán chỉ nên đặt ra đối với thẩm phán là nguồn bổ nhiệm chánh án Tòa án, vì chánh án là người lãnh đạo cơ quan Tòa án, chịu trách nhiệm phân công tổ chức hoạt động xét xử của Tòa án, đòi hỏi phải có năng lực chuyên môn vượt trội, toàn diện và kinh nghiệm quản lý, điều hành hoạt động xét xử các loại án thuộc thẩm quyền của Tòa án, như: Hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính.

Đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức đối với thẩm phán và công chức Tòa án.

Phát động toàn thể thẩm phán, công chức Tòa án tích cực học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện tốt lời Bác Hồ dạy: "Phụng công thủ pháp, chí công vô tư". Không chỉ có đủ năng lực trình độ mà mỗi Thẩm phán cần phải tự ý thức được rằng: Quyền lực Nhà nước là của nhân dân, nhân dân trao cho mình là để phụng sự tổ quốc, phục vụ nhân dân. Không được sử dụng

tùy tiện quyền lực ấy hoặc để tư lợi cho mình. Người Thẩm phán phải biết vượt qua các cám dỗ, để tận tụy phục vụ nhân dân, trung thành với Tổ quốc, với chế độ, dũng cảm bảo vệ công lý, công bằng xã hội, quyền và lợi ích chính đáng hợp pháp của công dân.

- *Nâng cao chất lượng hoạt động, chế độ đãi ngộ, trách nhiệm và đảm bảo sự độc lập của Hội thẩm nhân dân.*

Hội thẩm nhân dân là những thành viên của hội đồng xét xử, là những người có uy tín trong nhân dân được Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra để thay mặt nhân dân trực tiếp tham gia xét xử các vụ án, là chủ thể quan trọng trong việc ADPL hình sự tại Tòa án, đặc biệt là xét xử sơ thẩm án hình sự thì quyết định của bản án chính là quyết định của các hội thẩm vì số Hội thẩm tham gia Hội đồng xét xử đông hơn thẩm phán mà lại biểu quyết theo đa số, thẩm phán ngang quyền với Hội thẩm. Các phán quyết sơ thẩm này không bao giờ có hiệu lực pháp luật ngay mà phải sau một thời gian nhất định, các chủ thể bị ADPL cảm thấy quyết định là phù hợp và Viện kiểm sát thấy phán quyết đã đúng pháp luật, họ không có kháng cáo, kháng nghị thì phán quyết này mới có hiệu lực pháp luật.

Sau khi được bầu làm hội thẩm thì Tòa án cần tổ chức tập huấn nghiệp vụ xét xử, bồi dưỡng kiến thức pháp lý cho các hội thẩm nhân dân. Vì là đại diện cho nhân dân không chỉ căn cứ vào pháp luật mà còn căn cứ vào lẽ công bằng, lẽ phải ở đời, dưới góc nhìn của những người dân để phán quyết đối với bị cáo có tội hay không có tội, tội danh gì và mức hình phạt tương xứng. Vì vậy không thể yêu cầu Hội thẩm phải có trình độ chuyên môn cao, chuyên nghiệp như thẩm phán. Không chỉ Việt Nam mà hầu hết các nước trên thế giới, thành viên bồi thẩm đoàn đều là những công dân có uy tín đại diện cho các bộ phận dân cư trực tiếp tham gia xét xử, không yêu cầu cao về tiêu chuẩn trình độ pháp lý. Tuy nhiên các Hội thẩm nhân dân cần chủ động tìm hiểu pháp luật, nâng cao trách nhiệm của mình đối với công tác xét xử, để có đủ khả năng hoàn thành tốt

nhiệm vụ Hội thẩm của mình. Đoàn Hội thẩm nhân dân cần độc lập về tài chính và việc bố trí Hội thẩm tham gia phiên tòa. Để khuyến khích Hội thẩm nhân dân nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực nghiên cứu hồ sơ, tham gia xét xử có hiệu quả cần có chế độ đãi ngộ tương xứng. Kinh phí hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân cần phải độc lập không phụ thuộc vào Tòa án như hiện nay, để đoàn hội thẩm chủ động chi trực tiếp cho các hội thẩm tham gia nghiên cứu hồ sơ và xét xử.

Mặt khác cũng là để tạo điều kiện cho Hội thẩm nhân dân độc lập khi xét xử, giao việc bố trí Hội thẩm tham gia phiên tòa cho Đoàn Hội thẩm. Đoàn Hội thẩm cần có quy chế bố trí Hội thẩm lần lượt tham gia phiên tòa, nếu vì lý do không tham gia xét xử được khi đến lượt phải có văn bản báo cáo và được bố trí tham gia vào lần tiếp theo. Tránh tình trạng Hội thẩm không theo định hướng của thẩm phán khi nghị án thì ít được mời tham gia xét xử hoặc để tiết kiệm kinh phí, thời gian Tòa án bố trí cho Hội thẩm nghiên cứu hồ sơ quá ít so với yêu cầu.

- *Bảo đảm nguyên tắc khi xét xử thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên tắc này được đảm bảo dưới các khía cạnh sau:*

- + Độc lập với những yếu tố khách quan tác động từ bên ngoài Tòa án.
- + Độc lập từ các yếu tố khách quan tác động từ bên trong các mối quan hệ nội bộ của Tòa án. Độc lập giữa Tòa án cấp dưới với Tòa án cấp trên, độc lập trong nội bộ một Tòa án, giữa thẩm phán chủ tọa với chánh án, chánh tòa. Cần phải tách bạch giữa quan hệ hành chính với quan hệ tố tụng. Đề cao trách nhiệm của Hội đồng xét xử đối với phán quyết của mình.

- + Độc lập giữa các thành viên trong Hội đồng xét xử, mỗi thành viên độc lập và ngang quyền với nhau trong việc đánh giá chứng cứ và đưa ra kết luận. Độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là hai nội dung có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Chỉ khi nào bảo đảm cho Thẩm phán và Hội thẩm độc lập, thì họ mới chỉ tuân theo pháp luật và ngược lại. Thẩm phán và Hội thẩm độc lập mới nâng cao

được chất lượng xét xử, nâng cao trách nhiệm cá nhân của các thành viên Hội đồng xét xử, đúng với tính chất của hoạt động xét xử, bảo đảm khách quan đúng với diễn biến phiên tòa.

- *Nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan điều tra và công tố cũng như các cơ quan hỗ trợ tư pháp khác.*

Trong chiến lược cải cách tư pháp, Tòa án được xác định là trung tâm, xét xử là trọng tâm. Xét xử là một giai đoạn tố tụng độc lập, nhưng chất lượng xét xử phụ thuộc rất lớn vào chất lượng hoạt động của cơ quan điều tra, cơ quan công tố và chất lượng hoạt động của các cơ quan hỗ trợ tư pháp.

- *Tăng cường và đổi mới công tác giám sát hoạt động ADPL hình sự của Tòa án.*

Kịp thời đưa bản án hình sự lên mạng internet tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể giám sát hoạt động ADPL của Tòa án. Tăng cường công tác giám sát của cơ quan đại diện, các thành viên trong hệ thống chính trị cũng như mọi công dân đối với công tác xét xử của Tòa án. Chú trọng công tác tự kiểm tra của ngành thông qua công tác giám đốc án, kịp thời phát hiện và khắc phục sai sót của Tòa án cấp dưới.

3.2.5. Các biện pháp khác

➤ Biện pháp nâng cao hiệu quả công tác điều tra tội giết người

Trong những năm tới, tình hình tội phạm giết người trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh dự báo còn diễn biến phức tạp. Điều đó đặt ra yêu cầu phải nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác điều tra tội phạm. Để làm được điều này, tác giả đưa ra một hệ thống các biện pháp đồng bộ. Cụ thể:

- *Một số biện pháp về nghiệp vụ*
- + Nâng cao hiệu quả hoạt động thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ;
- + Tăng cường kết hợp chặt chẽ giữa công tác trinh sát và điều tra hình sự theo pháp luật tố tụng;;
- + Cần sử dụng tốt các biện pháp trinh sát kỹ thuật;

+ Tăng cường xây dựng và bố trí mạng lưới bí mật đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để đáp ứng được yêu cầu...

- *Trong quan hệ phối hợp*

+ Cần có sự thống nhất trong công tác chỉ đạo, thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ.

+ Phối hợp với các đơn vị viễn thông để nắm được thông tin liên lạc của đối tượng.

+ *Về công tác tổ chức:*

+ Tiếp tục củng cố, kiện toàn lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm.

+ Làm tốt chế độ chính sách, động viên kịp thời cán bộ chiến sĩ, gia đình họ, đồng thời kiên quyết ngăn chặn kịp thời những biểu hiện sai phạm.

+ Đảm bảo kinh phí, phương tiện, trang thiết bị hiện đại cho hoạt động điều tra tội phạm.

+ Nâng cao chất lượng công tác giám định.

➤ ***. Biện pháp nâng cao hiệu quả truy tố tội giết người***

Để khắc phục những hạn chế, phát huy hơn nữa những điểm tốt, trong thời gian tới Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh cần phải thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ. Một trong số các biện pháp đó là:

- *Đối với công tác nghiệp vụ:*

+ Tăng cường hoạt động giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và giải quyết đơn liên quan đến giết người;

+ Kiểm sát viên phải bám sát tiến độ điều tra, kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót để đề ra các yêu cầu điều tra;

+ Đối với công tác kiểm sát điều tra cần phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa kiểm sát điều tra, kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam;

+ Trước khi diễn ra phiên tòa, Kiểm sát viên cần phải chuẩn bị kỹ tài liệu để bảo vệ thành công cáo trạng của mình

- *Về quan hệ phối hợp hoạt động:*

- + Chú trọng giải quyết kịp thời, nghiêm minh các vụ án giết người thuộc thẩm quyền, sớm ra quyết định phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra;
- + Trong quá trình điều tra vụ án, Kiểm sát viên luôn phối hợp cùng Điều tra viên giải quyết vướng mắc, tham gia hỏi cung trong trường hợp cần thiết;
- + Đối với những vụ lớn, phức tạp, án điểm, Kiểm sát viên chủ động đề xuất hợp liên ngành làm án để bàn biện pháp phối hợp nhằm tập trung sự thống nhất của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc đánh giá chứng cứ;
- + Trường hợp cần bổ sung tài liệu thì Kiểm sát viên chủ động thu thập hoặc trao đổi với Điều tra viên để hoàn thiện hồ sơ trước khi chuyển sang Tòa án;
- + Đối với những vụ án do cấp trên quyết định chuyển vụ án hình sự để xét xử, Kiểm sát viên nơi được ủy quyền phải thường xuyên liên hệ với Kiểm sát viên cấp ủy quyền; trường hợp phát hiện cáo trạng cũng như tài liệu trong hồ sơ có sai sót cần trao đổi với Kiểm sát viên thụ lý kiểm sát điều tra ra văn bản đính chính.
- *Về công tác tổ chức:*
- + Thường xuyên tiến hành bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ lẫn phẩm chất đạo đức của Kiểm sát viên;
- + Trong thời gian tới cần tăng số lượng Kiểm sát viên gắn liền với yêu cầu trình độ, nghiệp vụ;
- + Sớm ban hành văn bản quy định việc hưởng chế độ đặc thù cho Kiểm sát viên làm án giết người.

➤ ***Biện pháp nâng cao hiệu quả công tác xét xử tội giết người***

Trong xét xử các vụ án về tội giết người trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh, tác giả đề ra một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả xét xử tội phạm này như sau:

- *Trong công tác nghiệp vụ:*
- + Tăng cường tổ chức xét xử lưu động các vụ án giết người gắn liền với nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục qua phiên tòa;
- + Đối với những vụ án chọn làm án điểm, vụ án lớn, phức tạp cần phân công những thẩm phán có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm khi xét xử;

- + Cần tiếp tục tăng cường công tác giám đốc xét xử các vụ án giết người
- *Giải pháp về quan hệ phối hợp hoạt động:*
- + Tòa án chủ động phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng lựa chọn một số vụ án điển hình về giết người để đưa ra xét xử lưu động tại các địa bàn được coi là điểm “nóng” về tội phạm này.
- + Đồng thời Tòa án cần phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền kết quả xét xử các vụ án về tội giết người nhằm nâng cao ý thức pháp luật và tinh thần đấu tranh phòng, chống trong nhân dân
- + Thẩm phán được phân công xét xử vụ án phải với Kiểm sát viên thụ lý án để trao đổi những vướng mắc, Trong trường hợp có vướng mắc không giải quyết được mới tranh thủ ý kiến của ngành dọc cấp trên trước khi đưa vụ án ra xét xử.
- + Khi đã có quyết định chuyển vụ án hình sự ra xét xử sơ thẩm, chủ động bàn bạc với Kiểm sát viên, lực lượng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp về kế hoạch dẫn giải bị cáo, kế hoạch bảo vệ phiên tòa..
- + Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự và các cơ quan chức năng trong giải quyết án giết người, cần Ban hành Thông tư liên tịch giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm.
- *Trong công tác tổ chức:*
- + Thường xuyên tiến hành bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán Thẩm phán, Hội thẩm;
- + Nhà nước cần có sự quan tâm đúng mức về biên chế, tổ chức cán bộ, chế độ đãi ngộ đúng mức để cho họ có thể vô tư trong xét xử;
- + Nâng mức thù lao cho Hội thẩm, cơ quan nơi công tác của Hội thẩm nhân dân tạo điều kiện cho Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử;
- + Phải có các cơ chế để kiểm tra, giám sát hoạt động xét xử;
- + Tăng kinh phí cho Tòa án địa phương để tổ chức xét xử lưu động nhiều hơn.

Kết luận chương 3

Từ thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt về tội giết người trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011-2015, tác giả đã đưa ra các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội giết người trên địa bàn cả nước nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng. Trên đây là những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả việc áp dụng pháp luật hình sự trong việc giải quyết các vụ án về tội giết người. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần tổ chức thực hiện một cách đồng bộ, chính xác và hiệu quả các giải pháp nâng cao hiệu quả điều tra, truy tố và xét xử để giải quyết kịp thời, chính xác, phù hợp và đúng pháp luật các vụ án nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm giết người.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học: ***“Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh”*** cho phép tác giả đưa ra một số kết luận chung như sau:

Trong những năm gần đây, tội phạm giết người trở thành một vấn đề nóng trong xã hội. Chúng đang là mối hiểm họa đối với từng gia đình và cộng đồng, hậu quả của tội phạm này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, làm tổn hại đến tính mạng sức khỏe của nhân dân.

Phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm giết người là một vấn đề quan trọng, phức tạp và mang tính lâu dài. Đó không chỉ là vấn đề của một tổ chức, đoàn thể hay cá nhân mà của toàn xã hội. Nó liên quan đến nhiều chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh với tội phạm giết người là yêu cầu cấp bách đối với mỗi cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và toàn xã hội.

Thực tiễn giải quyết các vụ án về tội giết người những năm gần đây cho thấy việc áp dụng quy định của Điều 93 BLHS và các văn bản hướng dẫn áp dụng còn nhiều những hạn chế, vướng mắc cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện.

Trong luận văn, tác giả đã cố gắng tiếp cận, khái quát, đưa ra có hệ thống những vấn đề lý luận về tội giết người quy định trong Điều 93 BLHS 1999. Trong chương một của luận văn, chúng tôi đã nêu lên những vấn đề về khái niệm “tội giết người”, một số nét khái quát về lịch sử lập pháp của tội giết người trong pháp luật Việt Nam đồng thời phân biệt tội này so với các tội phạm khác trong BLHS 1999. Mặt khác, chúng tôi đã phân tích dấu hiệu pháp lý hình sự của tội giết người được quy định trong Điều 93 BLHS 1999.

Trong chương hai của luận văn, chúng tôi đã phân tích những vấn đề lý luận về định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người. Đồng thời phân tích, đánh giá việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội này từ thực tiễn Quảng Ninh giai đoạn 2011-2015.

Trong chương ba của luận văn, chúng tôi đã đưa ra các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội giết người trên địa bàn cả nước nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng. Trong khuôn khổ luận văn, những giải pháp được đề cập tương đối cụ thể, tuy chưa toàn diện nhưng là những vấn đề cơ bản và cần thiết để giúp cho các cơ quan giải quyết tội phạm một cách kịp thời, đúng người, đúng tội, cũng như trên cơ sở nguyên tắc nhân đạo của pháp luật Hình sự.

Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài, tác giả nhận được sự giúp đỡ của nhiều cơ quan tổ chức và cá nhân. Tác giả xin chân thành cảm ơn cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; đặc biệt xin chân thành cảm ơn Thầy hướng dẫn khoa học PGS.TS Phạm Văn Tĩnh, người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tác giả trong quá trình thực hiện luận văn. Tuy nhiên, với phạm vi thời gian và điều kiện cho phép, khả năng lý luận và kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót và bất cập, rất mong được sự quan tâm, giúp đỡ của các Thầy cô giáo để luận văn được hoàn thiện hơn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội;
2. Lê Cẩm ((2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội;
3. Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam (1976), *Sắc luật số 03-SL/76 ngày 15/03/1976 quy định các tội phạm và hình phạt*;
4. Nguyễn Chí Công (2016), *Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Tỉnh Nam Định (Luận văn thạc sĩ)*;
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội;
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội;
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
8. Thái Huy Đức, *Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam (Luận văn thạc sĩ)*;
9. Đỗ Đức Hồng Hà, (2014), *Hỏi -Đáp pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành*, Nxb Tư pháp;
10. Đỗ Đức Hồng Hà, (2014), *Hỏi - Đáp pháp luật hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp;
11. Đỗ Thanh Huyền (2007), *Bàn về phạm tội có tổ chức, phạm tội nhiều lần*, Tòa án nhân dân;
12. Nguyễn Ngọc Hòa (2015), *Tội phạm và cấu thành tội phạm* , Nxb Tư pháp, Hà Nội;

13. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, *Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006*, Hà Nội;
14. Trần Thị Liên, *Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Sóc Trăng* (Luận văn thạc sĩ);
15. Vũ Thành Long (2006), *"Về việc áp dụng tình tiết phạm tội có tính chuyên nghiệp"*, Tòa án nhân dân;
16. Nguyễn Lộc, *Đấu tranh, phòng chống tội giết người trên địa bàn Tỉnh Dak Lak* (Luận văn thạc sĩ);
17. Nguyễn Đình Lộc (2000), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 và nhiệm vụ thể chế hóa về mặt nhà nước chính sách hình sự của Đảng trong thời kỳ đổi mới*, Tài liệu Hội nghị Tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự năm 1999, Hà Nội;
18. Luật bảo vệ, chăm sóc trẻ em 2004;
19. Luật trẻ em năm 2016;
20. Trần Văn Luyện (2000), *Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
21. Quốc hội: Nghị quyết ngày 02/7/1976, Quốc hội khóa VI;
22. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
23. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
24. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội;
25. Quốc hội (2009), *Nghị quyết số 33/2009/NQ-QH12 ngày 19/6/2009 về việc thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
26. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
27. Hồ Sỹ Sơn (2008), *Hoàn thiện một số quy định về hình phạt và quyết định hình phạt của BLHS năm 1999 nhằm đảm bảo hơn nữa nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự*, Hà Nội;
28. Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Hà Nội;

29. Nguyễn Trung Thành, (2002), *Phạm tội có tổ chức trong luật hình sự Việt Nam và việc đấu tranh phòng, chống* (Luận án tiến sĩ luật học);
30. Bùi Quang Thạch (2000), *Bàn về số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được bổ sung ở khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999*, Kiểm sát;
31. Trần Quang Tiệp (2013), *Chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
32. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Tập 1, Hà Nội;
33. Tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
34. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
35. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Công văn số 105/2003/KHXX ngày 18/8/2003 về việc áp dụng Điều 248 Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
36. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/05/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội;
37. Tòa án nhân dân tối cao (2009), *Công văn số 105/TANDTC-KHXX ngày 17/7/2009 về việc thi hành khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 33/2009/NQ-QH12 của Quốc hội*, Hà Nội;
38. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm các vụ án giết người từ năm 2011-2015*;
39. Trịnh Quốc Toàn (2011), *Hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
40. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

41. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
42. Phùng Thế Vắc, Trần Văn Luyện, Phạm Thanh Bình, Nguyễn Đức Mai, Nguyễn Sĩ Đại, Nguyễn Mai Bộ (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
43. Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Tư pháp Hà Nội.
44. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
45. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;